

CTY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
(VINHHOAN CORP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54 /2013/CV-VH

TP.Cao Lãnh, ngày 06 tháng 05 năm 2013

V/v xin điều chỉnh báo cáo thường niên

| | |
|--------------------------|-------------------------------|
| SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN | |
| TP. HỒ CHÍ MINH | |
| năm 2013 | |
| ĐẾN | Số: 18410 |
| | Giới: Ngày 07 tháng 05 năm 13 |

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn xin thông báo điều chỉnh Báo cáo thường niên đã nộp cho Quý Sở ngày 24 tháng 04 năm 2013 theo nội dung như sau :

- Trang 32, mục Chi tiêu kế hoạch năm 2013 : Điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận hợp nhất sau thuế của cổ đông Công ty Mẹ từ 150 tỷ thành 210 tỷ .
- Một số lỗi chính tả khác.

Rất mong nhận được sự chấp thuận Quý cơ quan.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VP Cty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Thị Lệ Khanh



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

**THANK
YOU!**

15 NĂM XÂY DỰNG NIỀM TIN
- VỮNG BỀN GIÁ TRỊ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



| | |
|---------------------------------------|----|
| Lịch sử hoạt động | 4 |
| Các chỉ tiêu tài chính nổi bật | 8 |
| Thư của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị | 11 |
| Hội Đồng Quản Trị | 12 |
| Sơ đồ tổ chức | 14 |
| Thông tin chung | 15 |
| Định hướng phát triển trong tương lai | 22 |
| Phân tích SWOT | 24 |
| Báo cáo của Ban Giám Đốc | 26 |
| Kế hoạch năm 2013 | 32 |
| Sự kiện năm 2012 | 34 |
| Tăng trưởng | 36 |
| Các công ty con | 37 |
| Văn hóa doanh nghiệp | 42 |
| Trách nhiệm cộng đồng | 44 |
| Báo cáo tài chính | 48 |
| Thông tin cổ đông và quản trị công ty | 94 |

MỤC LỤC

XIN CẢM ƠN

15 NĂM – XÂY DỰNG NIỀM TIN, VỮNG BỀN GIÁ TRỊ

Năm 2012, chúng ta vui mừng kỷ niệm 15 năm thành lập công ty Vĩnh Hoàn. “Chúng ta”, chính là hơn năm ngàn người lao động, cùng “cày xới” trên mảnh đất nhiều tiềm năng, cho ra nhiều trái ngọt nhưng lại không dành cho những ai thiếu nhiệt tình, thiếu niềm tin và lòng kiên nhẫn, là hàng trăm cổ đông đã chung vai sát cánh với công ty qua nhiều năm thăng trầm.

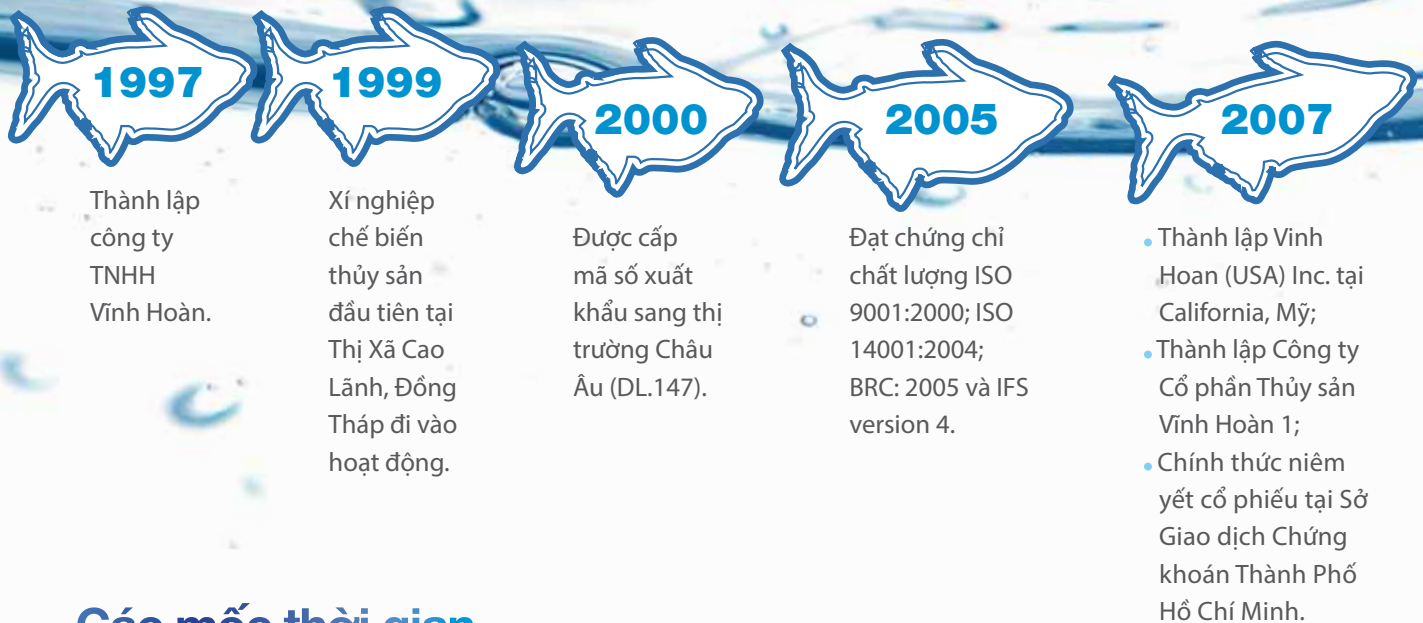
Vĩnh Hoàn 15 năm trước là một công ty TNHH sở hữu một nhà máy thủy sản đông lạnh chỉ với hơn 70 lao động thì nay đã là một chuỗi khép kín từ ương giống, nuôi trồng, sản xuất thức ăn cho cá đến chế biến và xuất khẩu cá tra fillet thành phẩm. Vĩnh Hoàn 1, 2, 3, 4 và 5 đã lần lượt ra đời trong những năm 2007, 2011 và 2012. Vĩnh Hoàn USA nay cũng đã hoạt động được 6 năm tại thị trường Hoa Kỳ.

Với tư cách là người khởi nghiệp và dẫn dắt công ty qua 15 năm, tôi luôn cảm biết ơn cơ duyên đã đưa tôi gắn bó với con cá này, với ngành chế biến thực phẩm này. Nhưng cơ duyên quan trọng hơn là tôi đã gặp gỡ được anh chị em, những người đã gắn bó với công ty nhiều năm qua. Quả là may mắn và tuyệt vời khi có được một tập thể như thế này, những người luôn hiểu tôi, hiểu công ty và làm việc có cảm xúc, có định hướng tốt. Cơ duyên cũng đã cho chúng ta gặp được những khách hàng, nhà cung cấp, những cổ đông và đối tác rất nghĩa tình, luôn hỗ trợ và đóng góp đáng kể vào hiệu quả kinh doanh của công ty.

Chúng ta tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các khách hàng, nhà cung cấp, các cổ đông, các tổ chức tín dụng, tổ chức quản lý chất lượng và các đối tác khác đã tin tưởng và hỗ trợ Vĩnh Hoàn trong suốt 15 năm qua.

TRƯƠNG THỊ LỆ KHANH
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

Lịch sử hoạt động



Các mốc thời gian quan trọng

Vinh Hoàn được thành lập vào ngày 27 tháng 12 năm 1997 tại tỉnh Đồng Tháp, thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long. Trải qua 15 năm phát triển, Công ty Cổ phần Vinh Hoàn hiện nay là công ty chế biến và xuất khẩu cá tra, basa hàng đầu của Việt Nam. Thương hiệu Vinh Hoàn chính là lựa chọn ưu tiên của nhà nhập khẩu nước ngoài khi tìm kiếm nhà sản xuất uy tín cho mặt hàng cá tra, basa fillet đông lạnh.

Ngay từ ngày thành lập Vinh Hoàn đã xây dựng và phát triển theo một chiến lược toàn diện và bền vững. Vinh Hoàn nỗ lực liên tục để hướng đến sự phát triển bền vững trên cơ sở cân bằng các yếu tố: môi trường - xã hội và kinh tế. Chuỗi các hoạt động của công ty ngay từ đầu đã được hình thành và liên tục mở rộng theo hướng bền vững và có quan tâm đến các yếu tố môi trường và cộng đồng.





2009

- Nhận chứng chỉ Aquagap về nuôi trồng của tổ chức IMO, Thụy Sĩ;
- Phòng kiểm nghiệm của công ty đạt chứng chỉ ISO/IEC 17025:2005.



2010

- Đạt mức thuế chống bán phá giá 0% vào thị trường Mỹ theo kết quả điều tra hành chính năm thứ 5 của Bộ Thương mại Mỹ;
- Nhận chứng chỉ GLOBAL G.A.P về nuôi trồng cá tra;
- Nhận chứng chỉ ISO 22000 cho hệ thống quản lý chất lượng.



2011

- Đón nhận Huân chương Lao động Hạng III tặng cho tập thể Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn và bà Trương Thị Lệ Khanh, Tổng Giám Đốc Công ty theo Quyết định số 150/QĐ-CTN ngày 28/1/2011 của Chủ Tịch Nước.
- 03/05/2011: nhận giải thưởng GRAND PRIZE BEST NEW RETAIL PRODUCT AWARD trong cuộc thi của Seafood Prix d'Elite 2011 tại hội chợ European Seafood Exhibition 2011 (ESE 2011) ở Brussel, Bỉ.



2012

- Đón nhận Huân chương Lao động Hạng II theo Quyết Định số 1261/QĐ-CTN của Chủ Tịch Nước ngày 21/8/2012;
- Đạt mức thuế chống phá giá 0% lần thứ ba vào thị trường Mỹ theo kết quả xem xét hành chính năm thứ 7 của Bộ Thương Mại Mỹ;
- Là công ty đầu tiên đạt chứng chỉ nuôi bền vững ASC của tổ chức ACC về nuôi trồng cá tra;
- Đạt chứng nhận 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do Báo Nhịp Cầu Đầu Tư bình chọn;
- Đạt giải thưởng Bông Lúa Vàng Việt Nam lần thứ nhất – năm 2012 do Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn tổ chức theo quyết định số 2752/QĐ-BNN-TCCB ngày 01/11/2012;
- Top Báo cáo thường niên (BCTN) tốt trong cuộc Bình chọn BCTN tốt nhất do Dragon Capital và Báo Đầu tư thực hiện (vị trí 22 trong tổng số 50 BCTN tốt nhất được chọn từ 700 BCTN);
- Khai trương xưởng sản xuất thực nghiệm Collagen từ Da cá Tra và ngày 7/8/2012, công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vinh dự đón nhận giấy chứng nhận “Ứng dụng công nghệ cao” cho dự án sản xuất Collagen thủy phân, Gelatin từ da cá tra được cấp bởi Bộ Khoa học và công nghệ.



Các chứng chỉ hướng đến sự phát triển bền vững

- Ngày 11/9/2012 Vĩnh Hoàn là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên nhận chứng nhận quốc tế ASC (Aquaculture Stewardship Council) cho trại nuôi cá tra. ASC là một hệ thống cấp chứng nhận cho các hoạt động nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm trên toàn thế giới, là chứng nhận được đánh giá cao và quan tâm của người tiêu dùng, đặc biệt là ở Châu Âu.

- Ngày 26/9/2011, Vĩnh Hoàn nhận giấy chứng nhận thực hành nuôi trồng thủy sản tốt nhất (tiêu chuẩn BAP – Best Aquaculture Practice) với cấp độ “2 sao” cho nhà máy chế biến và vùng nuôi do GAA (Liên minh thủy sản toàn cầu) cấp. Đây là tiêu chuẩn được sự quan tâm của rất nhiều các nhà bán lẻ và phân phối ở Mỹ.



Sự ra đời của các công ty con

- 27/7/2011: Thành lập Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2 với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng.
- 21/9/2011: Thành lập Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 3 với vốn điều lệ là 80.000.000.000 đồng.
- 26/11/2011, Vĩnh Hoàn đã khởi công xây dựng phân xưởng sản xuất Collagen thực nghiệm tại Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.
- 2/12/2011: Thành lập Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 với vốn điều lệ 80.000.000.000 đồng.
- 5/04/2012 : Thành lập Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn 4 với vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng.

Quá trình thay đổi vốn cổ phần

| Thời điểm | Hình thức phát hành | Mục đích | Vốn tăng thêm | Vốn sau khi tăng thêm | Thặng dư vốn cổ phần | Ngày niêm yết có hiệu lực |
|-----------|---|--|---------------|-----------------------|----------------------|---------------------------|
| 2009-2010 | Phát hành cho cổ đông chiến lược | Tái cơ cấu vốn | 53,28 tỷ | 353,28 tỷ | 190,492 tỷ | 09/3/2010 |
| 2010 | Cổ phiếu ESOP 2008-2009 và cổ phiếu tài trợ chương trình xây nhà ở cho CB-CNV | Khuyến khích nhân tài và hỗ trợ người lao động | 9,42 tỷ | 362,7 tỷ | - | 22/12/2010 |
| 2011 | Trả cổ tức năm 2010 tỷ lệ 30% bằng cổ phiếu. | Nâng cao năng lực tài chính | 108,81 tỷ | 471,51 tỷ | - | 22/12/2010 |
| 2012 | Cổ phiếu ESOP 2010-2011 | Khuyến khích nhân tài | 3,6 tỷ | 475,11 tỷ | - | 21/1/2013 |

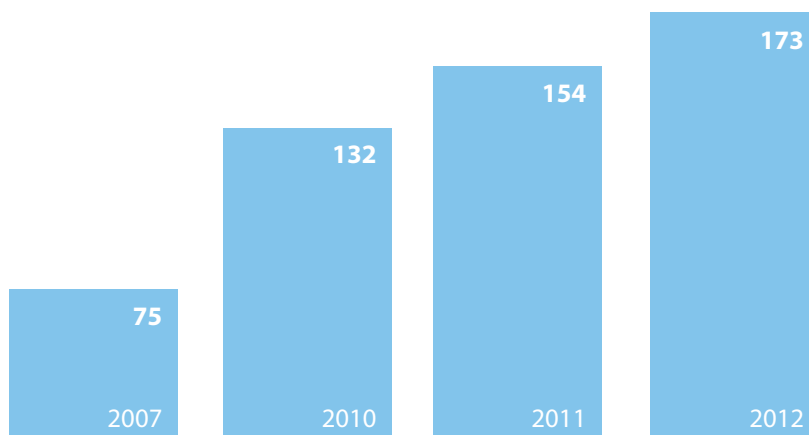


Các chỉ tiêu tài chính nổi bật

VND
TỔNG TÀI SẢN
3.074
TỶ
VÀO CUỐI NĂM 2012

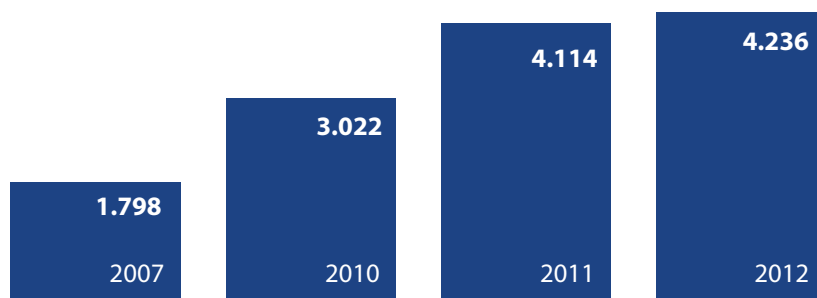
Kim ngạch xuất khẩu

Đơn vị tính: triệu USD



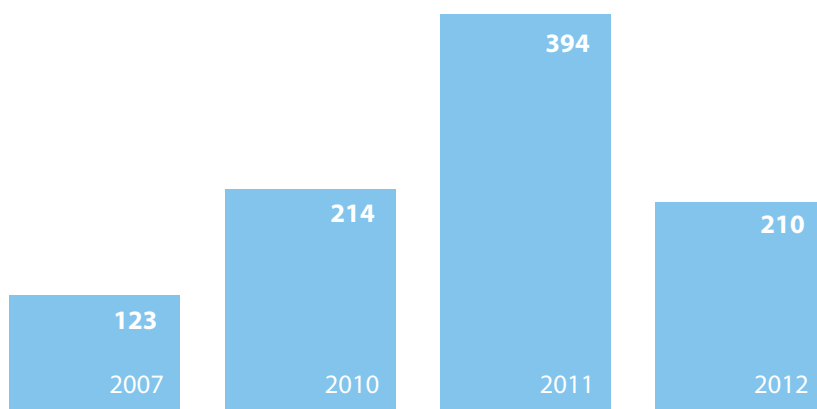
Doanh thu

Đơn vị tính: tỷ đồng



Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ

Đơn vị tính: tỷ đồng



Cơ cấu vốn

| NĂM | 2007 | 2010 | 2011 | 2012 |
|------------------------|----------|----------|----------|----------|
| Tổng nợ/vốn chủ sở hữu | 0,68 lần | 0,89 lần | 0,89 lần | 1,26 lần |
| Tổng nợ/tổng tài sản | 0,40 lần | 0,46 lần | 0,46 lần | 0,54 lần |
| Nợ vay/tổng tài sản | 0,23 lần | 0,24 lần | 0,29 lần | 0,41 lần |

Đánh giá giá trị thị trường

Đơn vị tính: tỷ đồng

| NĂM | 2010 | 2011 | 2012 |
|--------------------------|--------|--------|--------|
| EPS | 4.573 | 8.325 | 4.544 |
| PE | 6,5 | 3,4 | 5,5 |
| Giá sổ sách (Book value) | 19.999 | 26.242 | 28.696 |

Vị trí trong ngành

Nguồn VASEP. Đơn vị tính: triệu USD

| NĂM 2012 | | |
|----------|------------------|-------------------|
| STT | CÔNG TY | GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU |
| 1. | VĨNH HOÀN | 154,9 |
| 2. | HÙNG VƯƠNG | 111,9 |
| 3. | AGIFISH | 91,8 |
| 4. | VIỆT AN | 82,7 |
| 5. | IDI | 58,2 |

| NĂM 2009 | | |
|----------|------------------|-------------------|
| STT | CÔNG TY | GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU |
| 1. | HÙNG VƯƠNG | 122 |
| 2. | VĨNH HOÀN | 115 |
| 3. | NAM VIỆT | 85 |
| 4. | VIỆT AN | 57 |
| 5. | AGIFISH | 55 |

| NĂM 2006 | | |
|----------|------------------|-------------------|
| STT | CÔNG TY | GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU |
| 1. | NAM VIỆT | 110,0 |
| 2. | AGIFISH | 54,0 |
| 3. | VĨNH HOÀN | 50,2 |
| 4. | HÙNG VƯƠNG | 47,9 |
| 5. | CASEAMEX | 29,6 |




| NĂM 2004 | | |
|----------|------------------|-------------------|
| STT | CÔNG TY | GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU |
| 1. | NAM VIỆT | 38,9 |
| 2. | AGIFISH | 29,0 |
| 3. | CATACO | 27,5 |
| 4. | VĨNH HOÀN | 19,9 |
| 5. | THUẬN HƯNG | 13,8 |





Kính thưa các quý vị Cổ đông,

Vĩnh Hoàn qua 15 năm hoạt động, 6 năm kể từ khi cổ phần đạt được những thành tựu vượt bậc:

| Chỉ tiêu | 2007 | 2012 | |
|---|-----------------|-----------------|---|
| Doanh thu (tỷ VND) | 1.798 | 4.236 |  236% |
| Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD) | 75% | 154,9 |  207% |
| Vị trí trong ngành cá tra Việt Nam | 3 rd | 1 st | |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (tỷ VND) | 123 | 210 |  170% |

Một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào những thành quả nói trên chính là việc Vĩnh Hoàn đã quy tụ được hàng ngàn cá nhân có cá tính, hoàn cảnh gia đình rất khác biệt nhưng lại có chung những giá trị không thể thiếu cho thành công của một công ty. Vĩnh Hoàn không phải lúc nào cũng là nơi có nhiều cá nhân xuất sắc nhất, nhưng Vĩnh Hoàn tự hào vì ai ai trong chúng tôi cũng hiểu mình đang ở đâu, làm gì và hướng tới mục tiêu nào. Sự tương đồng về định hướng và giá trị một cách tuyệt đối, không rẽ ngang đó đã tạo nên sức mạnh trong lòng mỗi người, lan tỏa và đẩy mọi thứ tiến về phía trước.

Môi trường làm việc và văn hóa công ty cũng ngày càng được hoàn thiện. Chúng ta đã không ngại thay đổi, tiếp cận với cái mới luôn luôn với một tâm thế mở và sẵn sàng thích ứng. Nhân viên của công ty từ những ngày đầu chỉ biết đến công việc hàng ngày của mình, nay đã luôn được cập nhật về kế hoạch, mục tiêu và lợi nhuận của công ty. Mỗi người chúng ta đều có quyền và có thể biết được thành quả lao động của mình để tự hào và tạo động lực phấn đấu. Thông tin ngày càng được chia sẻ và quyết định ngày càng được thực hiện dựa trên sự bàn bạc và đóng góp ý kiến của nhiều cá nhân ưu tú.

Mặc dù đối mặt với những khó khăn thách thức của tình hình kinh tế vĩ mô trong năm 2012 như tình trạng thiếu vốn sản xuất nuôi trồng dẫn đến diện tích nuôi trồng bị thu hẹp, sự suy thoái của nền kinh tế Châu Âu, Vĩnh Hoàn vẫn giữ vững mức tăng trưởng tốt về doanh số, mở rộng thị phần nhờ những nỗ lực trong chính sách phát triển

bền vững đặc biệt là nỗ lực nâng cao chất lượng và hiệu quả trong sản xuất của toàn chuỗi giá trị.

Những năm tới đây, trước mắt chúng ta sẽ là những cột mốc mới. Nhà máy gạo của Vĩnh Hoàn 2 trong giai đoạn hoàn thiện toàn hệ thống. Nhà máy Collagen của Vĩnh Hoàn 5 đã khởi công vào đầu năm 2013. Chúng ta sẽ tiếp tục mở rộng và hoàn thiện khâu nuôi giống, nuôi cá thịt và sản xuất thức ăn cho cá. Nhà máy chế biến sẽ phải đạt được những bước tiến mới về năng suất và hiệu quả sản xuất.

Toàn bộ các hoạt động và nỗ lực mới này sẽ cùng góp phần hoàn thiện và phát triển các sản phẩm của Vĩnh Hoàn ra thế giới, đưa Vĩnh Hoàn trở thành một thương hiệu bền vững và có uy tín về mọi mặt, tạo bộ phông cho toàn công ty, hướng đến một tương lai rộng mở.

**Thay mặt Hội Đồng Quản Trị
Chủ tịch**



Trương Thị Lệ Khanh

Hội đồng quản trị



Bà Trương Thị Lệ Khanh

**Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị,
Tổng Giám Đốc**

Năm sinh: 1961

Chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Là người khởi nghiệp Vinh Hoàn từ một xưởng đông lạnh nhỏ, liên tục 15 năm giữ vị trí Giám đốc và Tổng Giám đốc, lãnh đạo công ty từ những ngày đầu gian khó, nhọc nhằn. Bà là người bỏ nhiều thời gian và công sức vạch ra các chiến lược có tính chất quyết định để đưa Vinh Hoàn lên vị trí đầu ngành hôm nay. Bà Khanh còn có những giá trị đặc biệt có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thu hút nhân sự giỏi và tạo động lực gắn bó cho nhân viên công ty.

Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1979

Chuyên môn: Cử nhân luật - MBA- Maastricht school of Management, the Netherlands

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 9 năm

Bà Tâm hiện đang giữ nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Vĩnh Hoàn. Bà

Tâm giữ chức Trưởng Phòng Kinh Doanh từ năm 2006 và là Phó Tổng Giám Đốc từ năm 2008, được bổ nhiệm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị vào năm 2007. Bà Tâm giữ vai trò điều hành hoạt động bán hàng đồng thời đóng góp tích cực cho các hoạt động đối ngoại của Vĩnh Hoàn và là cầu nối giữa nhà máy và khách hàng.



Ông Huỳnh Đức Trung

Thành viên Hội Đồng Quản Trị,
Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh: 1963

Chuyên môn: Kỹ sư chế biến công nghệ thực phẩm

Thời gian làm việc ở Vĩnh Hoàn: 12 năm

Trước khi gia nhập Vĩnh Hoàn, ông Trung có 10 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành thủy sản, tại xí nghiệp đông lạnh Sa Đéc và 4 năm làm việc tại Công ty Xuất Nhập Khẩu Sa Giang. Ông Trung giữ chức Phó Tổng Giám Đốc phụ trách khối sản xuất và nuôi trồng, được giao trọng trách phối hợp hài hòa các bộ phận của nhà máy. Ông Trung được bổ nhiệm vào Hội Đồng Quản Trị từ năm 2009.



Ông Jean Eric Jacquemin

Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Quá trình công tác :

Ông Jean Eric Jacquemin là đại diện Quỹ đầu tư Red River Holding, hiện nắm giữ 7.171.321 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 15,21% cổ phần công ty. Ông đóng góp cho công ty với các ý kiến tư vấn và kiến thức phong phú về mặt quản trị, tài chính.



Ông Võ Phú Đức

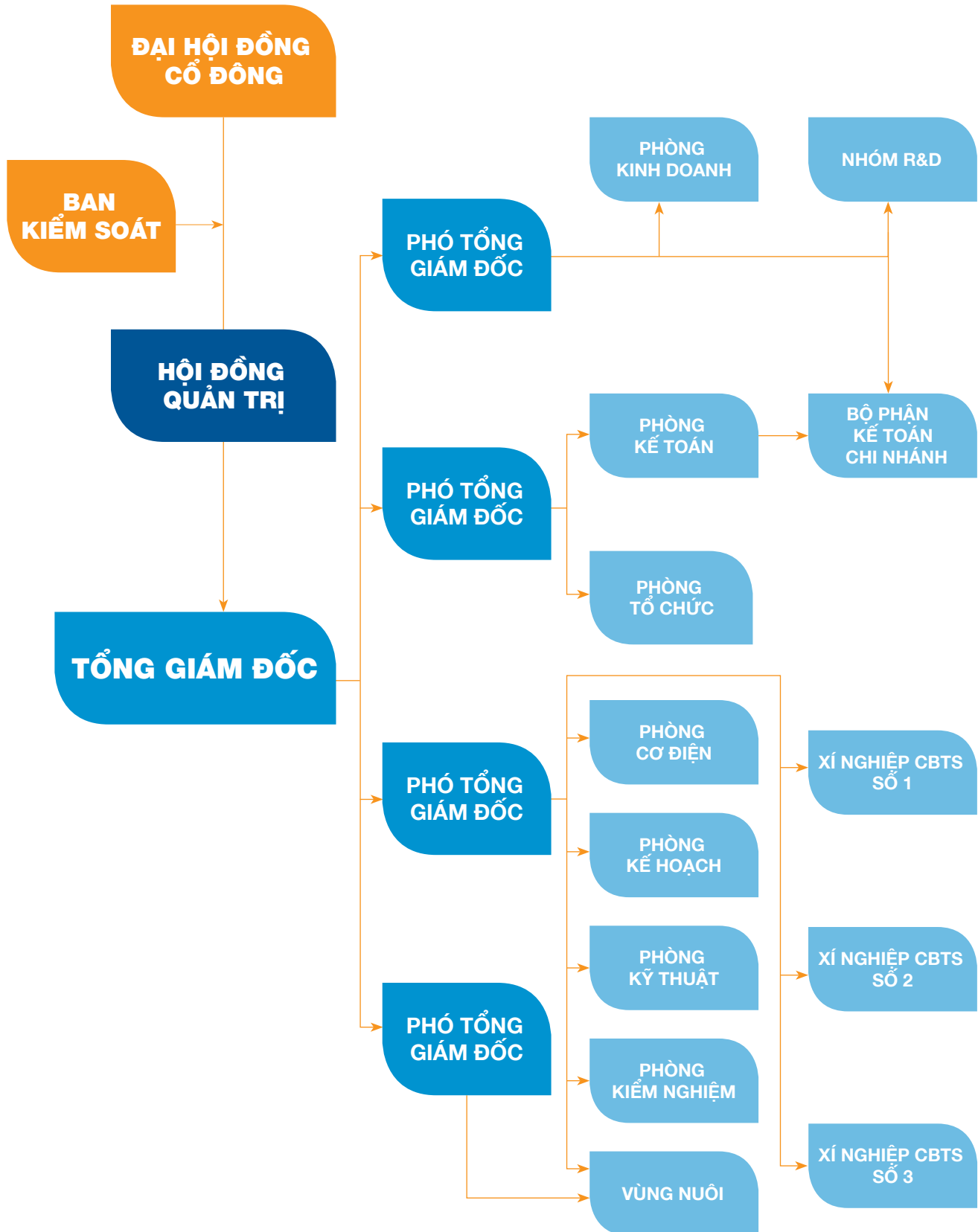
Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Năm sinh: 1976

Chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đại học Bách Khoa TPHCM

Ông Đức được bổ nhiệm làm thành viên Hội Đồng Quản Trị vào năm 2012. Ông Đức phụ trách phần xây dựng đối với các dự án mới của công ty và tham gia tích cực vào phần quản lý chất lượng thức ăn.

Sơ đồ tổ chức



Thông tin chung



Phân tích tài chính

Năm 2012, xuất khẩu thủy sản Việt Nam đạt 6,134 tỷ USD, chỉ tăng 0,3% so với năm 2011. Trong đó, xuất khẩu cá tra đạt 1,744 tỷ USD, giảm 3,4% so với năm 2011.

Vĩnh Hoàn, nhìn chung, cũng nỗ lực hết mức để vượt qua một năm 2012 đầy khó khăn và thử thách. Doanh thu thuần trong năm 2012 tăng 3,02% so với năm 2011 là một kết quả khả quan, cụ thể doanh thu thuần 2012 đạt 4.228 tỷ đồng so với 4.104 tỷ đồng trong 2011.

| Chỉ số | 2010 | 2011 | 2012 |
|-----------------------------|--------|--------|---------|
| Tăng trưởng doanh thu thuần | 8,60% | 36,35% | 3,02% |
| Tăng trưởng lợi nhuận ròng | 10,77% | 84,00% | -46,63% |
| Tăng trưởng tổng tài sản | 20,17% | 31,11% | 28,00% |

Tăng trưởng lợi nhuận ròng giảm đáng kể trong năm nay 2012 so với năm 2011. Tuy nhiên lợi nhuận của cổ đông công ty mẹ năm 2012 đạt 210 tỷ đồng là một kết quả khá tốt trong bối cảnh tình hình kinh tế khó khăn và sự đi xuống của toàn ngành. Hơn nữa năm 2011 là một năm thành công vượt bậc trong lịch sử hoạt động của công ty. Điều này cũng góp phần tạo ra khoảng cách đáng kể của kết quả năm 2011 so với năm 2012 và các năm trước đó.

| Chỉ số | 2010 | 2011 | 2012 |
|---|--------|--------|--------|
| Tỷ suất lợi nhuận gộp (gross profit margin) | 19,52% | 17,64% | 12,95% |
| Tỷ suất lợi nhuận thuần (net profit margin) | 7,11% | 9,61% | 4,98% |
| Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản (ROA) | 12,82% | 18,65% | 7,68% |
| Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu (ROE) | 27,12% | 36,19% | 16,36% |

Cơ cấu chi phí

| Chỉ tiêu | 2010 | 2011 | 2012 |
|---------------------------------|---------------|---------------|---------------|
| Giá vốn hàng bán | 80,48% | 82,36% | 87,05% |
| Chi phí bán hàng | 7,01% | 4,30% | 5,19% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 2,89% | 1,36% | 2,02% |
| Net Chi phí hoạt động tài chính | 0,67% | 0,28% | -0,45% |
| Tổng cộng | 91,06% | 88,30% | 93,80% |

Công ty luôn đặt trọng tâm kiểm soát chi phí và sử dụng tối đa nguồn lực một cách hiệu quả. Cụ thể Net của chi phí hoạt động tài chính giảm mạnh. Tuy nhiên tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng cao đáng kể chủ yếu là do cung cầu của thị trường trong năm 2012 làm cho tốc độ gia tăng của giá bán thấp hơn giá trị tăng của chi phí sản xuất.

Vị trí của Vĩnh Hoàn trong ngành xuất khẩu cá tra Việt Nam

| STT | Doanh nghiệp | Giá trị (triệu USD) |
|-----|-------------------------------------|---------------------|
| 1 | Vĩnh Hoàn | 154,9 |
| 2 | Hùng Vương | 111,9 |
| 3 | Agifish | 91,9 |
| 4 | Việt An | 82,8 |
| 5 | I.D.J Corp | 58,2 |
| 6 | Nam Việt | 58,0 |
| 7 | CTCP Thủy sản Nha trang Seafood | 50,2 |
| 8 | Hùng Cá | 43,5 |
| 9 | Công ty TNHH Đại Thành (Tiền Giang) | 43,2 |
| 10 | Thủy Sản Cửu Long | 42,7 |

Hiệu quả trong hoạt động kinh doanh

Cơ cấu doanh thu

| | Doanh thu thuần 2010 | Cơ cấu 2010 | Doanh thu thuần 2011 | Cơ cấu 2011 | Doanh thu thuần 2012 | Cơ cấu 2012 |
|-------------------------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|----------------------|-------------|
| Doanh thu bán hàng | 381 | 13% | 150 | 4% | 203 | 5% |
| Doanh thu bán thành phẩm | 2.269 | 75% | 3.191 | 78% | 3.425 | 81% |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 28 | 1% | 47 | 1% | 38 | 1% |
| Doanh thu bán nguyên vật liệu | 25 | 1% | 262 | 6% | 82 | 2% |
| Doanh thu phế phẩm | 306 | 10% | 454 | 11% | 480 | 11% |
| Tổng | 3.009 | | 4.104 | | 4.228 | |

Hiệu quả hoạt động của công ty

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 |
|----------------------------|----------|----------|----------|
| Tỷ lệ tồn kho/giá vốn | 27% | 24% | 27% |
| Vòng quay hàng tồn kho | 4,96 | 4,61 | 4,53 |
| Số ngày lưu kho bình quân | 74 | 79 | 81 |
| Tỷ lệ phải thu/doanh thu | 12% | 14% | 11% |
| Vòng quay khoản phải thu | 8,86 | 9,03 | 10,66 |
| Số ngày thu tiền bình quân | 41 | 40 | 34 |

Một số tóm tắt từ báo cáo tài chính

Đơn vị tính: tỷ đồng

| | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 |
|--|----------|----------|----------|
| Doanh thu thuần | 3.009 | 4.104 | 4.228 |
| Giá vốn | 2.422 | 3.380 | 3.680 |
| Lãi gộp | 587 | 724 | 548 |
| Chi phí bán hàng | 211 | 177 | 219 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 87 | 56 | 85 |
| Lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh | 290 | 491 | 244 |
| Doanh thu tài chính | 68 | 101 | 86 |
| Chi phí tài chính | 88 | 112 | 67 |
| Lợi nhuận tài chính | -20 | -11,7 | 19 |
| Doanh thu khác | 4.4 | 15,7 | 10 |
| Chi phí khác | 0.7 | 15,6 | 3 |
| Lợi nhuận khác | 3.7 | 0,1 | 7 |
| Lãi vay (hoạt động tài chính) | 45 | 70,4 | 60 |
| EBIT (lợi nhuận trước thuế và lãi vay) | 318 | 550 | 330 |
| Lãi/lỗ từ cty liên kết, liên doanh | | - | - |
| EBT (lợi nhuận trước thuế) | 272.8 | 480 | 269,6 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 50,5 | 64,2 | 36,9 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | -6,2 | 2,9 | -0,03 |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | 14,5 | 18,6 | 22,3 |
| NPAT (lợi nhuận thuần) | 214 | 394,3 | 210,4 |

Cơ cấu vốn và khả năng thanh toán

Nhìn chung Vĩnh Hoàn không có rủi ro trong thanh toán khi tổng nợ chỉ chiếm 54% tổng tài sản. Tỷ số thanh toán hiện thời vẫn giữ mức cao hơn 1 cho thấy lượng vốn lưu động dồi dào để đáp ứng việc chi trả. Tổng nợ vay chủ yếu là do nợ ngắn hạn.

| Chỉ số | 2010 | 2011 | 2012 |
|------------------------|----------|----------|----------|
| Tổng nợ/vốn chủ sở hữu | 0,89 lần | 0,89 lần | 1,26 lần |
| Tổng nợ/tổng tài sản | 0,46 lần | 0,46 lần | 0,54 lần |
| Nợ vay/tổng tài sản | 0,24 lần | 0,29 lần | 0,41 lần |

Khả năng thanh toán

| Chỉ số | 2010 | 2011 | 2012 |
|----------------------------|------|------|------|
| Tỷ số thanh toán hiện thời | 1,58 | 1,69 | 1,37 |
| Tỷ số thanh toán nhanh | 0,72 | 0,90 | 0,78 |

Phân tích cấu trúc tài sản, nguồn vốn

Cấu trúc vốn và tài sản nhìn chung ổn định qua các năm. Năm 2012 có thay đổi lớn ở cơ cấu nợ ngắn hạn và đầu tư tài chính ngắn hạn. Sự thay đổi này giúp Vĩnh Hoàn tối đa hóa lợi nhuận trong năm 2012.

| | 2010 | 2011 | 2012 |
|-------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 64,81% | 73,03% | 74,25% |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 6,94% | 13,68% | 1,16% |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 2,06% | 0,01% | 24,02% |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 18,95% | 23,41% | 14,58% |
| Hàng tồn kho | 35,26% | 34,19% | 31,96% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1,60% | 1,74% | 2,54% |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 35,19% | 26,97% | 25,75% |
| Tài sản cố định | 32,31% | 23,50% | 23,15% |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 0,00% | 0,00% | 0,30% |
| Tài sản dài hạn khác | 2,88% | 3,47% | 2,30% |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 100,00% | 100,00% | 100,00% |
| NỢ PHẢI TRẢ | 45,93% | 45,72% | 54,29% |
| Nợ ngắn hạn | 40,96% | 43,16% | 54,29% |
| Nợ dài hạn | 4,97% | 2,57% | 0,00% |
| NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 51,37% | 51,63% | 43,24% |
| Vốn chủ sở hữu | 51,37% | 51,63% | 43,24% |
| LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 2,70% | 2,65% | 2,47% |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 100,00% | 100,00% | 100,00% |



Sản phẩm ngon và tốt cho sức khỏe



Định hướng phát triển trong tương lai



Công ty định hướng đầu tư chiều sâu cho con cá tra và mở rộng phạm vi kinh doanh ở những lĩnh vực có liên quan và hỗ trợ lẫn nhau với ngành chế biến thủy sản đồng thời chú trọng đến việc tối ưu hóa giá trị của các sản phẩm phụ từ cá tra.

| Nhiệm vụ | Nội dung |
|---|--|
| Nuôi trồng | Tăng diện tích nuôi trồng cá tra thịt và cá tra giống và nâng cao hiệu quả của hoạt động nuôi. |
| Chế biến thủy sản | Gia tăng tỷ trọng hàng giá trị gia tăng và hàng có chứng nhận đối với mặt hàng cá tra. |
| Tối ưu hóa giá trị phụ phẩm | Dự án sản xuất Gelatin và Collagen thủy phân từ da cá tra. |
| Phát triển ngành hàng phụ bên cạnh ngành cá tra cốt lõi | Phát triển ngành gạo trên cơ sở tiềm năng nông nghiệp của tỉnh Đồng Tháp. |
| Nghiên cứu và phát triển | Khả năng quản lý sản xuất và mạng lưới trị trường, khách hàng có sẵn của sản phẩm cá tra. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển chất lượng dinh dưỡng thức ăn cho cá và cải tiến chất lượng cá tự nuôi. |
| Nhân sự | Tuyển dụng nhân sự quản lý cấp trung và nhân viên cho các ngành nghề kinh doanh mới đồng thời đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty. |



Phân tích SWOT

Điểm mạnh

1. Ban quản trị tâm huyết với công ty, có bề dày kinh nghiệm và tầm nhìn chiến lược. Đội ngũ cán bộ nhân viên nhiệt tình, kinh nghiệm và gắn bó.
2. Định hướng chiến lược phát triển bền vững và rõ ràng.
3. Thương hiệu sản phẩm Vĩnh Hoàn uy tín trên thị trường quốc tế về chất lượng hàng hóa, hệ thống quản lý chất lượng. Nhờ đó, công ty xây dựng được hệ thống khách hàng chiến lược thân thiết.
4. Quy trình sản xuất hiện đại và khép kín từ khâu con giống, thức ăn đến sản phẩm đầu ra, nguồn nguyên liệu có chứng nhận quốc tế. Diện tích nuôi trồng lớn, khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu cao.
5. Năng lực ứng dụng công nghệ cao để nâng cao giá trị sản phẩm, đặc biệt là các nghiên cứu ứng dụng nâng cao giá trị phụ phẩm thu hồi làm tăng khả năng cạnh tranh và gia tăng lợi nhuận.

Điểm yếu

1. Tuy Vĩnh Hoàn đã là một thương hiệu tốt nhưng vẫn chưa bứt phá khỏi sự cạnh tranh gay gắt về giá bán một cách rõ ràng và mạnh mẽ.
2. Thị trường xuất khẩu 70% là Mỹ và EU nên biến động từ các thị trường này có khả năng tác động đến hoạt động công ty.
3. Chưa phát triển cân đối ở các phân khúc thị trường trung bình và thấp.
4. Thiếu hụt nguồn nhân sự quản lý cấp trung và nhân sự cho các dự án mới.



Cơ hội

1. Ngành thủy sản Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định, dự kiến tiếp tục tăng trưởng 12% - 15% mỗi năm. Thị trường tiêu thụ cá tra còn nhiều tiềm năng phát triển ngày càng tăng đối với thị trường truyền thống cũng như các thị trường mới.
2. Vĩnh Hoàn theo đuổi chính sách phát triển bền vững phù hợp với xu hướng thế giới nên có khả năng tiếp cận thị trường mới và dễ dàng vượt qua các rào cản kỹ thuật, tạo lợi thế cạnh tranh so với đối thủ.
3. Còn nhiều tiềm năng ở các ngành phụ trợ hoặc mở rộng, đặc biệt là định hướng gia tăng giá trị từ phụ phẩm.

Thách thức

1. Rào cản thương mại, rào cản kỹ thuật tại các thị trường xuất khẩu.
2. Suy thoái kinh tế ở Châu Âu.
3. Biến động về nguyên liệu và chi phí sản xuất, chi phí nuôi ngày càng cao.
4. Cạnh tranh ngày càng gay gắt.



Báo cáo của Ban Giám đốc

Mặc dù đối mặt với những khó khăn và thách thức của thị trường trong năm 2012, cá tra Việt Nam vẫn được xuất khẩu sang 142 quốc gia và vùng lãnh thổ trong năm 2012 (tăng so với 136 quốc gia và vùng lãnh thổ của năm 2011) với kim ngạch 1,744 tỷ USD, với mức giảm khá nhẹ : 3,4% so với cùng kỳ năm 2011.

Vĩnh Hoàn vẫn giữ vững vị trí số 1 trong ngành và kim ngạch năm 2011 vẫn giữ được mức tăng trưởng 12% so với năm 2011 trong bối cảnh toàn ngành suy giảm.

Vị trí của Vĩnh Hoàn trong toàn ngành

Nguồn: VASEP

| Công ty | Trị giá (USD) |
|------------|---------------|
| Vĩnh Hoàn | 154.988.396 |
| Hùng Vương | 111.900.532 |
| Agifish | 91.857.355 |
| Anvifish | 82.787.234 |
| IDI | 58.225.736 |
| Navico | 58.051.574 |
| NTSF | 50.176.911 |
| Hùng Cá | 43.495.411 |
| Đại Thành | 43.211.162 |
| CL Fish | 42.734.081 |

Vĩnh Hoàn mặc dù có sự sụt giảm về lợi nhuận so với năm 2011 do tình hình thị trường vẫn thành công trong việc mở rộng thị trường

Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm 2012

Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận

Chế biến thủy sản

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2012 | Kế hoạch 2012 | Mức độ hoàn thành kế hoạch |
|-------------------------|----------------|---------------|----------------------------|
| Doanh thu | 3.716 | 3.500 | 106% |
| Tổng lợi nhuận sau thuế | 189 | 151 | 125% |

| Nhà máy thức ăn thủy sản | | | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|
| Chỉ tiêu | Thực hiện 2012 | Kế hoạch 2012 | Mức độ hoàn thành kế hoạch |
| Doanh thu | 1.479 | 1.500 | 99% |
| Lợi nhuận sau thuế | 75 | 70 | 107% |
| Lợi nhuận phân bổ cho công ty cổ phần Vĩnh Hoàn | 52,5 | 49 | 107% |
| Kết quả hợp nhất | | | |
| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2012 | Thực hiện 2012 | Mức độ hoàn thành kế hoạch |
| Doanh thu | | 4.228 | |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 200 | 210 | 105% |

Xuất khẩu

1. Trị giá xuất khẩu

Trị giá xuất khẩu :

Năm 2011 154 triệu USD

Năm 2012 173 triệu USD

Trong đó:

| | |
|-------------|----------------|
| Cá | 155 triệu USD |
| Gạo | 2,3 triệu USD |
| Bột & mỡ cá | 15,7 triệu USD |

Ghi chú: nếu tính riêng giá trị xuất khẩu cá thì năm 2012 tăng 5,7 triệu USD, tăng 3,8% so với năm 2011

2. Thị trường xuất khẩu cá tra

| Thị trường | 2011 | 2012 |
|--|------|------|
| Mỹ | 48% | 48% |
| Châu Âu (không bao gồm Nga và Ukraine) | 29% | 28% |
| Úc | 7% | 6% |
| Hồng Kông | 6% | 6% |
| Canada | 5% | 5% |
| Nga | 1% | 1% |
| Thị trường khác | 5% | 5% |

Các thị trường xuất khẩu cá tương đối ổn định. Riêng thị trường Châu Âu, mặc dù xuất khẩu của ngành vào Châu Âu giảm 19% trong năm 2012, Vĩnh Hoàn vẫn giữ ổn định thị phần Châu Âu.

Trong kỳ xem xét hành chính lần thứ 6 và thứ 7 (bán hàng giai đoạn tháng 8-2008 đến tháng 7-2010), Vĩnh Hoàn đã xuất hàng vào USA với mức thuế tạm ứng là 6,81%. Sau đó, kết quả cuối cùng của đợt xem xét hành chính lần thứ 6 và thứ 7, Vĩnh Hoàn được hưởng mức thuế 0%. Do đó, số tiền thuế Vĩnh Hoàn được hoàn lại trong kỳ xem xét hành chính lần thứ 6 và thứ 7 dự kiến khoảng hơn 3 triệu USD. Ngày 21-3-2013, Bộ Thương Mại Mỹ đã công bố kết quả cuối cùng cho kỳ xem xét hành chính lần thứ 8, giai đoạn bán hàng từ tháng 8-2010 đến tháng 7-2011, với sự thay đổi quốc gia thay thế từ Bangladesh sang Indonesia. Theo đó, mức thuế của Vĩnh Hoàn là 0,19 USD/kg.

Trong kỳ xem xét hành chính lần thứ 8, với kết quả cuối cùng mức thuế 0,19 USD/kg, Vĩnh Hoàn dự kiến sẽ phải nộp thuế cho bán hàng giai đoạn tháng 8-2010 đến tháng 7-2011 là khoảng 3 triệu USD. Khoản tiền thuế được hoàn lại cho bán hàng kỳ xem xét hành chính năm thứ 6 và thứ 7 dự kiến sẽ tương đương với mức thuế Vĩnh Hoàn sẽ đóng cho bán hàng kỳ xem xét hành chính năm 8.

Đối với việc bán hàng hiện nay vào Mỹ từ tháng 4/2013, Vĩnh Hoàn phải tạm đóng mức thuế 0,19 USD/kg. Đây là khoản bảo hiểm rủi ro về thuế chống phá giá nếu có phát sinh trong tương lai. Do nhu cầu tăng cao tại thị trường Mỹ, giá bán kỳ vọng sẽ tăng mạnh, hứa hẹn thị trường Mỹ tiếp tục là thị trường tốt với mức lợi nhuận cao.



3. Sản phẩm ngoài cá tra fillet đông lạnh

- Bột và mỡ cá

| Trị giá 2011 | Trị giá 2012 | So với cùng kỳ năm 2011 |
|---------------|----------------|-------------------------|
| 5,9 triệu USD | 15,7 triệu USD | Tăng 180% |

Giá trị xuất khẩu bột và mỡ cá tăng đáng kể do nhu cầu bột cá trên thế giới tăng trưởng và nỗ lực của nhà máy thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1.

- Gạo

Trị giá

2,3 triệu USD

Sản xuất

Định mức chế biến ngày càng cải thiện tốt hơn do những nỗ lực từ khâu chất lượng thức ăn, chất lượng nuôi, chất lượng cá nguyên liệu và cải tiến trong sản xuất chế biến.

Nhà máy duy trì thực hiện quản lý chất lượng môi trường :

- Chứng nhận BRC Version 6 loại A, ISO 22000, ISO 9001, ISO 14001, IFS, GLOBAL GAP, BAP, AQUAGAP, ASC CoC.
- Chứng nhận ISO 17025 cho phòng kiểm nghiệm



Tồn kho

Tồn kho cuối năm 2012 tăng 20% so với cuối năm 2011 do tăng tồn kho nguyên liệu thức ăn, cá đang nuôi dở dang và thành phẩm. Việc tăng tồn kho là hợp lý với mức tăng trưởng doanh thu, tăng tỷ lệ nuôi trồng khép kín của công ty.

Hàng tồn kho

| | Cuối năm 2012 | Cuối năm 2011 |
|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| Hàng mua đang đi đường | 46.753.340.900 | 19.450.224.909 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 145.132.019.750 | 126.938.625.860 |
| Công cụ, dụng cụ | 3.363.914.103 | 3.107.842.478 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 374.549.913.324 | 321.343.498.323 |
| Thành phẩm | 468.127.880.252 | 353.505.848.292 |
| Hàng hóa | 251.944.107 | 63.204.912 |
| Hàng gửi đi bán | 7.434.019.712 | 44.343.127.443 |
| Cộng | 1.045.613.032.148 | 868.752.372.217 |

Nuôi trồng

Trong năm 2012 đã thực hiện triển khai các dự án nuôi:

- Trại ương giống cá Tra Bình Thạnh 2, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (diện tích 26,5 ha)
- Khu nuôi Vinh Hòa, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (diện tích 50 ha)
- Khu nuôi Tân Hồng, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (diện tích 8,5 ha)
- Vùng nuôi Phú Bình, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở rộng thêm diện tích 14,4 ha (vùng nuôi Phú Bình trước khi mở rộng có diện tích 19,9 ha)
- Vùng nuôi Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp mở rộng thêm diện tích 5 ha (vùng nuôi Tân Hòa trước khi mở rộng có diện tích 22,3 ha)

Các vùng nuôi đạt chứng nhận hiện tại:

Vùng nuôi đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn AquaGAP:

- Tân Thạnh: 11ha
- Tân Thuận Tây: 17ha
- Tân Hòa: 22,3ha
- Trại giống Thới Lai: 17ha

Vùng nuôi đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn BAP:

- Mỹ Xương: 23 ha

Vùng nuôi đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn GlobalGAP:

- Tân Hòa: 22,3ha
- Tân Thạnh: 11ha
- Tân Thuận Tây: 17ha
- Mỹ Xương: 23 ha
- Tân Thuận Đông: 20,7 ha
- Trại giống cá tra Thới Lai: 17ha

Vùng nuôi đạt chứng nhận theo tiêu chuẩn ASC:

- Đã chứng nhận vùng nuôi Tân Hòa 22,3ha đạt tiêu chuẩn ASC tháng 9/2012 (chứng nhận vùng nuôi cá tra đạt tiêu chuẩn ASC đầu tiên ở Việt Nam)
- Đã đánh giá lấy chứng nhận ASC vùng nuôi Tân Thuận Đông 20,7 ha vào cuối năm 2012 và chính thức đạt chứng nhận vào cuối tháng 2/2013.



Thay đổi về vốn chủ sở hữu

Trong năm, công ty có phát hành cổ phiếu ESOP năm 2010-2011: 360.000 cổ phiếu, tương đương 3,6 tỷ đồng.

Tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2012: 475.112.730.000 VNĐ.

Phân phối lợi nhuận

Tỷ lệ cổ tức năm 2012 theo đại hội cổ đông thông qua là 10% bằng tiền mặt và 30% bằng cổ phiếu. Ngày 28 tháng 12 năm 2012, công ty đã thực hiện việc tạm ứng cổ tức năm 2012 cho các cổ đông theo tỷ lệ 10% bằng tiền mặt.

Kế hoạch năm 2013

Công ty kính trình đại hội đồng cổ đông thông qua chỉ tiêu năm 2013 như sau:

Kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận năm 2013

Năm 2013 dự kiến tiếp tục là một năm khó khăn do chi phí nuôi cá tăng, giá bán chưa tăng kịp tốc độ tăng chi phí. Các dự án mới như gạo, collagen làm chi phí tài chính tăng, công ty kính trình đại hội đồng cổ đông thông qua chỉ tiêu năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2012 | Kế Hoạch năm 2013 |
|--|--------------------|-------------------|
| Doanh thu hợp nhất | 4.236 | 4.800 |
| Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 210 | 150 |
| Kim ngạch xuất khẩu | 173 triệu USD | 190 triệu USD |

Kế hoạch đầu tư

- Đầu tư nhà máy sản xuất Collagen với tổng kinh phí dự kiến 450 tỷ đồng trong hai năm 2013-2014; trong đó CAPEX cho năm 2013 dự kiến là 300 tỷ;
- Đầu tư cho khâu nuôi trồng dự kiến 70 tỷ đồng trong năm 2013 cho diện tích nuôi cá tra tăng thêm.
- Hoàn thiện đầu tư hệ thống sản xuất lúa tại Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2: 30 tỷ đồng.
- Tổng dự toán đầu tư (CAPEX) cho năm 2013: 400 tỷ đồng.



Sự kiện năm 2012



Lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì và kỉ niệm 15 năm thành lập Công ty CP Vĩnh Hoàn

Ngày 27/12/2012 vừa qua, Công ty Vĩnh Hoàn đã long trọng tổ chức buổi lễ đón nhận huân chương lao động hạng nhì do Chủ tịch nước trao tặng cho tập thể công ty và cho cá nhân Bà Trương Thị Lệ Khanh – Tổng giám đốc công ty vì những đóng góp quan trọng trong việc đưa hình ảnh con cá tra Việt Nam ra thương trường quốc tế trong suốt 15 năm hoạt động của công ty.

Cùng ngày, tập thể công ty cũng vui mừng kỉ niệm 15 năm thành lập công ty (27/12/1997-27/12/2012). Đến tham dự buổi lễ, có đại diện lãnh đạo UBND Tỉnh Đồng Tháp, Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam VASEP. Hơn 2000 công nhân viên của công ty cũng đã có mặt được tặng thưởng vì những thành tích và đóng góp trong suốt quá trình 5 năm, 10 năm và 15 năm công tác. 15 năm là chặng đường phát triển của Vĩnh Hoàn từ một cơ sở sản xuất nhỏ với khoảng 70 công nhân trở thành tập đoàn thực phẩm đa ngành với lĩnh vực cốt lõi là nuôi trồng và chế biến cá tra. Công ty hiện đang sở hữu hệ thống sản xuất cá tra khép kín từ trại giống, sản xuất thức ăn thủy sản, vùng nuôi đến nhà máy chế biến đạt các chứng nhận quốc tế. Các công ty thành viên bao gồm Công ty CP Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1, Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2, Lương thực Vĩnh Hoàn 3 và Vĩnh Hoàn Collagen 5 được thành lập lần lượt vào các năm 2007, 2011 và 2012. Vĩnh Hoàn (USA) Inc đã hoạt động tại Hoa Kỳ từ năm 2008.



Vĩnh Hoàn đạt chứng nhận ASC đầu tiên tại Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN đã nhận được chứng nhận ASC cho vùng nuôi Tân Hòa vào ngày 11 tháng 9 năm 2012, là vùng nuôi cá tra đầu tiên của Việt Nam nhận được chứng nhận này.

Là công ty tiên phong trong việc nghiên cứu sự bền vững, Vĩnh Hoàn đã bắt đầu xây dựng và chuyển đổi ao nuôi hướng đến ASC từ năm 2010, và đã được lựa chọn là doanh nghiệp duy nhất để đánh giá thí điểm ASC. Việc đánh giá chính thức được tiến hành vào tháng 6 năm 2012 bởi IMO và đến ngày 11/9 đã hoàn tất và Vĩnh Hoàn được chính thức cấp giấy chứng nhận, là đơn vị đầu tiên áp dụng tiêu chuẩn ASC cho vùng nuôi cá tra tại Việt Nam

Vĩnh Hoàn nhận giấy chứng nhận Ứng dụng công nghệ cao cho dự án “sản xuất Collagen thủy phân, Gelatin từ da cá Tra”

Ngày 7/8/2012, công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vinh dự đón nhận giấy chứng nhận “Ứng dụng công nghệ cao” cho dự án sản xuất Collagen thủy phân, Gelatin từ da cá tra được cấp bởi Bộ Khoa học và công nghệ.

Collagen là một chuỗi liên kết amino axit có trong sụn động vật, da và vây cá, giúp phục hồi và liên kết các mô trong cơ thể, đặc biệt có tác dụng tạo sự đàn hồi tốt cho làn da. Hiện nay Collagen được sử dụng chủ yếu trong ngành thực phẩm, y dược, và mỹ phẩm. Đặc biệt các sản phẩm và phương pháp trẻ hóa làn da bằng Collagen đang rất được ưa chuộng và ngày càng phổ biến trên thế giới.

Tăng trưởng

Là mức tăng trưởng
tổng tài sản 2012 so
với năm 2005



Là mức tăng
trưởng doanh thu
2012 so với năm
2005



Là mức tăng trưởng
kim ngạch xuất
khẩu 2012 so với
năm 2005

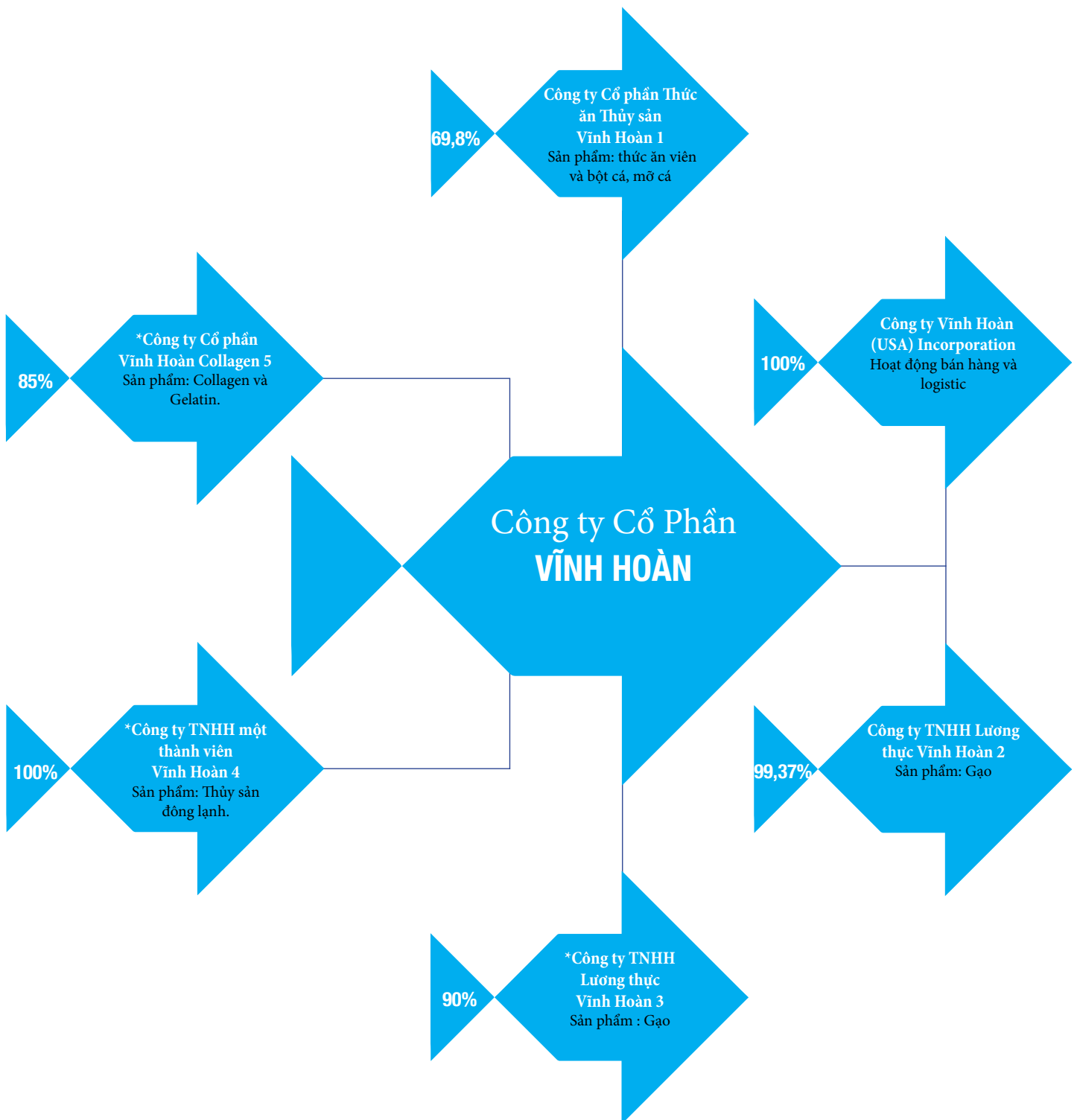


Kim ngạch xuất khẩu năm 2012



Là số thị trường mà sản phẩm
Vinh Hoàn đã có mặt trong năm 2012

Các công ty con



Ghi chú : * Các công ty con này chưa đi vào hoạt động trong năm 2012.

Các công ty con

Vĩnh Hoàn USA Incorporation

Địa chỉ: 2 Mahogany Dr., Irvine, CA 92620

Vốn góp của Vĩnh Hoàn: 100%

Công ty được thành lập năm 2007 với nhiệm vụ đảm trách việc bán hàng, dịch vụ giao nhận và thuế quan tại thị trường Mỹ.

Kết quả kinh doanh của công ty

Đơn vị tính: USD

| Chỉ tiêu | Năm 2012 |
|--------------------|------------|
| Doanh thu | 78.109.852 |
| Lợi nhuận sau thuế | (469.710) |

Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, Huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp.

Vốn góp của Vĩnh Hoàn: 69.8%

Sản phẩm: thức ăn thủy sản, bột cá tra, mỡ cá tra.

Năm 2012 hạn hán xảy ra ở Argentina, Brazil và Mỹ, là đợt hạn hán kỷ lục trong vòng 40-50 năm trở lại đây gây mất mùa nghiêm trọng, sản lượng và nguồn cung cấp nông sản bị hạn chế, giá nguyên liệu đẩy lên cao. Điểm tích cực là thị trường bán hàng của Công ty Cổ phần Thức ăn Thủy sản Vĩnh Hoàn 1 phát triển ổn định và tăng trưởng tốt, nhờ vậy, kết quả kinh doanh năm 2012 khá ấn tượng như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2011 |
|--|----------|----------|
| Doanh thu | 1.479 | 1.464 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 82,3 | 54,6 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 75,1 | 50,4 |

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 51%, lợi nhuận sau thuế tăng 49%

Hoàn thành 107% kế hoạch năm 2012

Năm 2013 giá nguyên liệu thức ăn tăng cao, công ty kính trình Đại hội cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2013

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2013 |
|---------------------------------|---------------|
| Doanh thu | 1.525 |
| Lợi nhuận sau thuế | 40 |
| Đóng góp cho cổ đông công ty mẹ | 28 |

Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2

Địa chỉ: Ấp Tân An, Xã Bình Thạnh Trung, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp
Vốn góp của Vĩnh Hoàn: 98,6%

Hoạt động của công ty là: chế biến kinh doanh xuất khẩu gạo (sấy, xay xát, lau bóng gạo, tách màu, máy ép trấu).

Nhà máy Vĩnh Hoàn 2 được xây dựng trên diện tích đất 4,3 Ha, tại ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Nhà máy gần nguồn nguyên liệu là vựa lúa gạo lớn nhất nước được cung cấp từ các tỉnh: An Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Long An,... và gần hơn là nguồn cung cấp gạo ở các huyện, thị: Lấp Vò, thị xã Sa Đéc, Châu Thành, Lai Vung, Cao Lãnh, Thanh Bình, Tháp Mười, Hồng Ngự, Tân Hồng, và TP Cao Lãnh (tỉnh Đồng Tháp); các huyện, thị xã: Tân Châu, Châu Đốc, Chợ Mới (tỉnh An Giang), các huyện Cờ Đỏ, Vĩnh Thạnh (Cần Thơ),... cung cấp lúa với sản lượng lớn và chất lượng cao.

Nhà máy đã động thổ khởi công xây dựng ngày 23/09/2011 và chính thức đi vào hoạt động trong năm 2012 với công suất 100.000 tấn/năm. Năm 2012, công ty đang trong giai đoạn xây dựng, sản xuất ít trong khi chi phí lãi vay và khấu hao cao. Do đó, công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2 có khoản lỗ hơn 6 tỷ đồng. Trong năm 2013, các dây chuyền sản xuất đã hoàn thiện, kế hoạch tài chính trong năm 2013 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2012 | Kế hoạch năm 2013 |
|--|--------------------|-------------------|
| Doanh thu | 26 | 450 |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (6,7) | 15 |

Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5

Địa chỉ: Quốc Lộ 30, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
85% vốn góp thuộc Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn
Sản phẩm: collagen và gelatin chiết xuất từ da cá

Nhà máy được khởi công xây dựng trong năm 2013, với vốn đầu tư 450 tỷ đồng. Dự kiến hiệu quả hoạt động của Vĩnh Hoàn Collagen như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

| | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 |
|-----------------------------|----------|----------|----------|----------|
| Công suất vận hành | 30% | 50% | 75% | 90% |
| I. Doanh thu | 136 | 240 | 364 | 445 |
| II. Lợi nhuận trước thuế | 35 | 49 | 118 | 156 |
| III. Lợi nhuận sau thuế | 35 | 49 | 118 | 156 |
| Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu | 26% | 20% | 32% | 35% |





**Khởi nguồn và nuôi dưỡng
sự phát triển**

Văn hóa doanh nghiệp



Vĩnh Hoàn luôn trân trọng và xem nguồn nhân lực là tài sản quý báu của doanh nghiệp. Ban Lãnh Đạo luôn lắng nghe và tạo động lực cho từng thành viên phát huy tính sáng tạo và không ngừng đổi mới trong công việc. Chúng tôi làm việc trong môi trường cởi mở, tôn trọng và hỗ trợ lẫn nhau. Chính sự đoàn kết và đồng lòng của từng thành viên đã giúp công ty Vĩnh Hoàn phát triển bền vững.

Sản phẩm cá tra từ khâu cá giống đến nuôi trồng, chế biến đều được từng nhân viên của Vĩnh Hoàn nâng niu, quan tâm, chăm sóc với lòng thương yêu và tinh thần trách nhiệm cao nhất. Chúng tôi bán không chỉ là cá tra, mà là quá trình nâng niu chăm sóc từ khi cá tra còn con giống nhỏ li ti đến miếng fillet chất lượng cao.

Chúng tôi cam kết tôn trọng chữ tín, tạo dựng niềm tin, có trách nhiệm với khách hàng, đối tác, các nhà cung cấp, các cổ đông và công nhân viên của Công ty.

Chúng tôi tự hào mang con cá tra - quà tặng của dòng sông Mekong đến người tiêu dùng khắp nơi trên thế giới dưới dạng những thực phẩm ngon, đẹp và tốt cho sức khỏe, thân thiện với môi trường.

Trách nhiệm cộng đồng năm 2012

Trách nhiệm với cộng đồng không những là sự quan tâm của công ty đối với xã hội mà là sự chia sẻ của từng nhân viên Vĩnh Hoàn đến những hoàn cảnh khó khăn hơn, các công tác từ thiện theo tinh thần nhường cơm xẻ áo giữa con người với nhau trên tinh thần nhân văn.

Trong năm công ty đã có các hoạt động từ thiện thông qua các chương trình sau, với tổng số tiền là: 2.455.035.000 đồng.

| Thời gian | Sự kiện | Đơn vị tổ chức | Số tiền đóng góp |
|-----------|--|--|------------------|
| 1/2012 | Hỗ trợ thanh niên nhập ngũ năm 2012 | UBND xã Tân Thuận Đông, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp | 9.500.000 |
| | Hỗ trợ người nghèo đón tết 2012 | | 320.000.000 |
| | Ủng hộ Quỹ học bổng Trường Trung cấp nghề Hồng Ngự - Đồng Tháp | Trường Trung cấp nghề Hồng Ngự - Đồng Tháp | 30.200.000 |
| | Ủng hộ Chương trình Tắm lòng nhân ái | Hội người mù tỉnh Bến Tre | 5.000.000 |
| | Hỗ trợ chiến dịch truyền thông An toàn VSTP tỉnh Đồng Tháp 2012 | Chi cục ATVS Thực phẩm | 30.000.000 |
| 2/2012 | Hỗ trợ kinh phí tập huấn cho Công An Tp Cao Lãnh | TP Cao Lãnh, Đồng Tháp | 3.000.000 |
| | Hỗ trợ bộ máy vi tính cho đoàn viên thanh niên TP Cao Lãnh. | Tỉnh Đoàn Đồng Tháp | 40.000.000 |
| | Hỗ trợ chiến dịch thanh niên tình nguyện mùa hè xanh | Chi đoàn Trường ĐH Đồng Tháp | 9.000.000 |
| 3/2012 | Hỗ trợ hoạt động tập huấn Công An năm 2012 | TP Cao Lãnh, Đồng Tháp | 18.000.000 |
| | Tài trợ kinh phí tổ chức Ngày hội thanh niên khỏe và Giải Việt dã tranh cúp Vĩnh Hoàn lần III/2012 | Tỉnh Đoàn Đồng Tháp Sở Văn hóa TTDL Cty CP Vĩnh Hoàn | 60.000.000 |
| | Hỗ trợ tổ chức hội thảo "Những giải pháp phát triển sản xuất và tiêu thụ lúa gạo ở ĐBSCL" | Sở NNPT&NN Đồng Tháp | 10.000.000 |

| | | | |
|---------|--|---|-------------|
| 4/2012 | Trao học bổng cho trẻ em khó khăn theo dự án phù Sa | BQL Dự án Phù Sa, Đồng Tháp | 8.000.000 |
| | Ủng hộ xây dựng sân chơi giải trí cho trẻ em và người già tại Huyện Cao Lãnh | Trung tâm bảo trợ XH Đồng Tháp | 10.000.000 |
| | Hỗ trợ tiên công đổ bê tông đường đi | UBND xã Vĩnh Bình, Chợ Lách, Bến Tre | 60.000.000 |
| | Hỗ trợ Quỹ vì người nghèo khuyến học | Hội Khuyến học xã Vĩnh Bình, Phú Bình, Bến Tre | 2.000.000 |
| 5/2012 | Tài trợ kinh phí Ngày hội Nông dân tỉnh Đồng Tháp năm 2012 | Hội Nông dân tỉnh Đồng Tháp | 400.000.000 |
| | Hỗ trợ Quỹ Đến ơn đáp nghĩa & sửa chữa xe chuyển bệnh xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp | UBND xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp | 40.000.000 |
| 6/2012 | Tài trợ áo thun cho vận động viên dự Lễ phát động toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại | LĐLĐ tỉnh Đồng Tháp | 20.000.000 |
| | Phát gạo cho đồng bào nghèo ở các xã, phường thuộc TP Cao Lãnh | Cty CP Vĩnh Hoàn | 16.440.000 |
| | Ủng hộ Kỷ niệm 37 năm ngày Giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước | Huyện ủy Cao Lãnh | 50.000.000 |
| | Tài trợ Ngày hội Trái cây ngon an toàn lần 12 – huyện Chợ Lách, Bến Tre | UBND huyện Chợ Lách, Bến Tre | 10.000.000 |
| 8/2012 | Hỗ trợ Quỹ “Thắp sáng ước mơ Việt Nam” | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương TPHCM | 50.000.000 |
| 10/2012 | Ủng hộ Quỹ khuyến học Nguyễn Sinh Sắc | Hội Khuyến học Nguyễn Sinh Sắc | 515.000.000 |
| 12/2012 | Hỗ trợ 06 căn nhà tình thương cho hộ nghèo của Xã Tân Thuận Đông, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp | UBND xã Tân Thuận Đông TP Cao Lãnh, Đồng Tháp | 120.000.000 |
| | Phát gạo cho người nghèo ở Phường 11, xã Tân Thuận Tây, xã Phong Mỹ, CB-CNV công ty | Công ty CP Vĩnh Hoàn | 596.395.000 |
| | Hỗ trợ tiền phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh Hùng | Công ty CP Vĩnh Hoàn | 6.500.000 |
| | Hỗ trợ học bổng toàn phần cho sinh viên | Công ty CP Vĩnh Hoàn | 14.000.000 |

Trách nhiệm cộng đồng năm 2012



Trong năm 2012, Công ty đã phối hợp thực hiện 60 km công trình “Thắp sáng đường quê” giữa UBND tỉnh Đồng Tháp, Tỉnh Đoàn Đồng Tháp với tổng kinh phí mà Công ty tài trợ là **1.901.983.000 đồng**, dự kiến đến hết quý 2/2013 công trình sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Cán bộ công nhân viên cũng tự nguyện đóng góp từ tiền lương, thực hiện hoạt động nhường cơm sẻ áo giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn như sau :

| Thời gian | Sự việc | Số tiền đóng góp |
|------------------|---|-------------------|
| 3/2012 | Ủng hộ hoàn cảnh khó khăn của một công nhân vệ sinh | 24.941.000 |
| 3/2013 | Ủng hộ 10 căn nhà của Công đoàn viên nghèo bị lốc xoáy làm hư hại nhà | 32.000.000 |
| Tổng cộng | | 56.941.000 |



Báo cáo tài chính hợp nhất



Mục lục

| | |
|----|--|
| 51 | Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc |
| 55 | Báo cáo kiểm toán |
| 56 | Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| 60 | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| 61 | Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| 63 | Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 |
| 93 | Phụ lục |

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

1. Công ty mẹ

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400112623, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 06 tháng 3 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 475.112.730.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (84 - 67) 3891 166

Fax : (84 - 67) 3891 672

E-mail : vh@vinhhoan.com.vn

Mã số thuế : 1400112623

Các đơn vị trực thuộc:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại TP. Hồ Chí Minh | 569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh |

Hoạt động chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế, mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản;
- Mua bán thủy hải sản, mua bán nông sản thực phẩm, súc sản phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản;
- Mua bán hóa chất phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản, nhập khẩu, mua bán phân bón, kinh doanh thuốc thú y thủy sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản), kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái;
- Mua bán, xuất nhập khẩu gạo;
- Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)

2. Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Giấy phép thành lập | Tỷ lệ phần sở hữu |
|--|---|---|-------------------|
| Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 | Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp | Số 5103000070 ngày 02 tháng 05 năm 2007 và thay đổi lần thứ 03 số 1400604953 ngày 21 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. | 69,8% |
| Công ty cổ phần Vinh Hoàn (Hoa Kỳ) | No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ | Số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp. | 100% |
| Công ty TNHH Lương thực Vinh Hoàn 2 | Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp | Số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 và thay đổi lần thứ 03 ngày 01 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. | 99,37% |
| Công ty TNHH Lương thực Vinh Hoàn 3 | Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. | Số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011 và thay đổi lần thứ 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. | 100% |

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Lợi nhuận Tập đoàn năm nay giảm đáng kể so với năm trước chủ yếu là do tốc độ gia tăng của giá bán thấp hơn giá trị tăng của chi phí sản xuất.

Trong năm, Công ty cổ phần Vinh Hoàn đã phát hành thêm 360.000 cổ phiếu ESOP cho nhân viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 09 tháng 5 năm 2012.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

Trong năm, Công ty cổ phần Vinh Hoàn đã phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 09 tháng 5 năm 2012 như sau:

| | |
|---|---------------------------|
| Trích quỹ khen thưởng | 19.717.147.527 VND |
| Trích quỹ phúc lợi | 7.886.859.011 VND |
| Trích quỹ khen thưởng vượt kế hoạch cho Ban điều hành | 5.000.000.000 VND |
| Chia cổ tức đợt 2 năm 2011 | 45.952.523.000 VND |
| Phát hành cổ phiếu ESOP cho nhân viên | 3.600.000.000 VND |
| Cộng | 82.156.529.538 VND |

Ngoài ra, Công ty cổ phần Vinh Hoàn đã tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2012 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 26 tháng 11 năm 2012 với tổng số tiền là 45.952.523.000 VND.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 21 tháng 3 năm 2013, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 08 (POR 8 từ ngày 01 tháng 8 năm 2010 đến ngày 31 tháng 7 năm 2011) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, cá tra và cá basa của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn sẽ phải chịu mức thuế chống bán phá giá 0,19 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

1. Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|---------------------|---------------------|
| Bà Trương Thị Lệ Khanh | Chủ tịch | 01 tháng 4 năm 2007 | - |
| Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm | Thành viên | 01 tháng 4 năm 2007 | - |
| Ông Huỳnh Đức Trung | Thành viên | 23 tháng 4 năm 2009 | - |
| Ông Lê Thanh Hùng | Thành viên | 23 tháng 4 năm 2009 | 09 tháng 5 năm 2012 |
| Ông Võ Phú Đức | Thành viên | 09 tháng 5 năm 2012 | - |
| Ông Jean Eric Jacquemin | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2011 | - |

2. Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------|------------|---------------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Văn Nghệ | Thành viên | 28 tháng 3 năm 2008 | - |
| Bà Hồ Thanh Huệ | Thành viên | 23 tháng 4 năm 2009 | - |
| Ông Nguyễn Minh Đức | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2011 | 09 tháng 5 năm 2012 |
| Bà Trương Tuyết Hoa | Thành viên | 09 tháng 5 năm 2012 | - |

3. Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|------------------------|-------------------|---------------------|-----------------|
| Bà Trương Thị Lệ Khanh | Tổng Giám đốc | 01 tháng 4 năm 2007 | - |
| Ông Đặng Văn Viễn | Phó Tổng Giám đốc | 29 tháng 9 năm 2007 | - |
| Bà Trương Tuyết Phương | Phó Tổng Giám đốc | 29 tháng 9 năm 2007 | - |
| Ông Huỳnh Đức Trung | Phó Tổng Giám đốc | 29 tháng 9 năm 2007 | - |
| Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm | Phó Tổng Giám đốc | 15 tháng 5 năm 2008 | - |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng các Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của công ty cổ phần Vĩnh Hoàn

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn và các công ty con (danh sách các Công ty con được trình bày tại thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 25 tháng 3 năm 2013, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0327/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

| | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 100 | | 2.281.972.775.048 | 1.758.324.324.568 |
| I. | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 35.542.358.549 | 329.424.956.877 |
| 1. | Tiền | 111 | | 35.542.358.549 | 312.924.956.877 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 16.500.000.000 |
| II. | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 738.217.050.780 | 219.548.828 |
| 1. | Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 738.217.050.780 | 219.548.828 |
| 2. | Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 448.010.688.289 | 563.618.091.194 |
| 1. | Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 365.052.691.239 | 485.307.767.483 |
| 2. | Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 65.077.646.858 | 74.542.924.504 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. | Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 21.982.821.808 | 6.321.388.552 |
| 6. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.6 | (4.102.471.616) | (2.553.989.345) |
| IV. | Hàng tồn kho | 140 | | 982.200.197.515 | 823.256.429.259 |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 1.045.613.032.148 | 868.752.372.217 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.8 | (63.412.834.632) | (45.495.942.958) |
| V. | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 78.002.479.914 | 41.805.298.410 |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9 | 2.246.631.934 | 1.211.599.259 |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 38.391.833.023 | 12.668.355.903 |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 352.310.342 | 608.007.853 |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. | Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.10 | 37.011.704.615 | 27.317.335.395 |

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

| B - | TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 791.585.564.649 | 649.295.263.719 |
|------|--|------------|------|--------------------------|--------------------------|
| I. | Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. | Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. | Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. | Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. | Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. | Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. | Tài sản cố định | 220 | | 711.629.848.455 | 565.799.074.719 |
| 1. | Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.11 | 525.169.865.922 | 488.277.285.379 |
| | Nguyên giá | 222 | | 897.461.961.711 | 764.893.969.470 |
| | Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (372.292.095.789) | (276.616.684.091) |
| 2. | Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| | Nguyên giá | 225 | | - | - |
| | Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. | Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 79.005.372.705 | 62.944.217.450 |
| | Nguyên giá | 228 | | 81.438.269.366 | 64.917.368.601 |
| | Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (2.432.896.661) | (1.973.151.151) |
| 4. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.13 | 107.454.609.828 | 14.577.571.890 |
| III. | Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| | Nguyên giá | 241 | | - | - |
| | Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | - | - |
| IV. | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 9.200.574.651 | - |
| 1. | Đầu tư vào công ty con | 251 | V.14 | - | - |
| 2. | Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. | Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.15 | 9.200.574.651 | - |
| 4. | Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. | Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| VI. | Tài sản dài hạn khác | 260 | | 70.755.141.543 | 83.496.189.000 |
| 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.16 | 42.234.593.381 | 55.010.935.960 |
| 2. | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.17 | 5.937.199.523 | 5.908.168.386 |
| 3. | Tài sản dài hạn khác | 268 | V.18 | 22.583.348.639 | 22.577.084.654 |
| | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 3.073.558.339.697 | 2.407.619.588.287 |

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

| | NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - | NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.668.512.424.780 | 1.100.805.436.737 |
| I. | Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.668.512.424.780 | 1.039.047.348.989 |
| 1. | Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.19 | 1.254.928.310.721 | 633.578.126.990 |
| 2. | Phải trả người bán | 312 | V.20 | 122.717.034.688 | 129.537.953.983 |
| 3. | Người mua trả tiền trước | 313 | V.21 | 8.238.394.638 | 6.850.285.852 |
| 4. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.22 | 15.155.559.271 | 33.507.008.178 |
| 5. | Phải trả người lao động | 315 | V.23 | 36.632.280.265 | 38.523.008.346 |
| 6. | Chi phí phải trả | 316 | V.24 | 22.847.648.611 | 16.224.971.652 |
| 7. | Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. | Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.25 | 113.014.525.861 | 116.642.164.422 |
| 10. | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | V.26 | 43.100.000.000 | 34.000.000.000 |
| 11. | Quý khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.27 | 51.878.670.725 | 30.183.829.566 |
| 12. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. | Nợ dài hạn | 330 | | - | 61.758.087.748 |
| 1. | Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. | Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. | Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. | Vay và nợ dài hạn | 334 | V.28 | - | 58.942.312.000 |
| 5. | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. | Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | V.29 | - | 2.815.775.748 |
| 7. | Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. | Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. | Quý phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - | NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.328.996.900.367 | 1.243.040.928.148 |
| I. | Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.328.996.900.367 | 1.243.040.928.148 |
| 1. | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.30 | 475.112.730.000 | 471.512.730.000 |
| 2. | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.30 | 190.492.000.000 | 190.492.000.000 |
| 3. | Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. | Cổ phiếu quỹ | 414 | V.30 | (36.897.215.355) | (36.897.215.355) |
| 5. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | V.30 | 3.991.224.376 | 3.991.224.376 |
| 7. | Quý đầu tư phát triển | 417 | | - | - |
| 8. | Quý dự phòng tài chính | 418 | | - | - |
| 9. | Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.30 | 696.298.161.345 | 613.942.189.127 |
| 11. | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. | Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. | Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. | Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. | Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| C - | LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | V.31 | 76.049.014.550 | 63.773.223.402 |
| | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 3.073.558.339.697 | 2.407.619.588.287 |

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

| | Chỉ tiêu | Thuyết minh | Số đầu năm | Số cuối năm |
|----|---|-------------|--------------|---------------|
| 1. | Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. | Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. | Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. | Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. | Ngoại tệ các loại: | | | |
| | Dollar Mỹ (USD) | | 1.091.851,44 | 15.136.082,68 |
| | Euro (EUR) | | 284,70 | 307,06 |
| 6. | Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|-----|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 4.236.484.487.918 | 4.114.059.871.210 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | 8.552.492.043 | 10.082.120.795 |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 4.227.931.995.875 | 4.103.977.750.415 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 3.680.318.008.967 | 3.379.843.860.523 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 547.613.986.908 | 724.133.889.892 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 86.205.047.922 | 100.706.640.272 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 66.971.393.139 | 112.362.907.329 |
| | Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 60.030.070.480 | 70.432.324.955 |
| 8. | Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 219.313.324.505 | 176.671.765.955 |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 85.303.548.346 | 55.803.209.398 |
| 10. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 262.230.768.840 | 480.002.647.482 |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 10.226.004.741 | 15.690.621.480 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | VI.8 | 2.820.486.975 | 15.599.006.406 |
| 13. | Lợi nhuận khác | 40 | | 7.405.517.766 | 91.615.074 |
| 14. | Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh | 45 | | - | - |
| 15. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 269.636.286.606 | 480.094.262.556 |
| 16. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.22 | 36.922.015.839 | 64.179.718.736 |
| 16. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.17 | (29.031.137) | 2.940.175.717 |
| 18. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 232.743.301.904 | 412.974.368.103 |
| | 18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 22.293.277.148 | 18.631.417.568 |
| | 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 62 | | 210.450.024.756 | 394.342.950.535 |
| 19. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 4.544 | 8.325 |

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|------------|--|-----------|-----------------------|--------------------------|-------------------------|
| I. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. | Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 269.636.286.606 | 480.094.262.556 |
| 2. | Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| | Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.11, V.12 | 90.231.675.984 | 83.403.731.998 |
| | Các khoản dự phòng | 03 | V.6, V.8 | 19.465.373.945 | 28.931.219.927 |
| | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | VI.3, VI.4 | (9.817.814) | 5.503.447.698 |
| | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (51.237.020.284) | (19.436.697.147) |
| | Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 60.030.070.480 | 70.432.324.955 |
| 3. | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 388.116.568.917 | 648.928.289.987 |
| | Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 100.028.533.055 | (221.919.329.809) |
| | Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (176.860.659.930) | (196.708.620.121) |
| | Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 6.959.550.648 | 25.788.277.884 |
| | Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (6.749.211.001) | (27.689.476.737) |
| | Tiền lãi vay đã trả | 13 | V.24, VI.4 | (59.086.830.316) | (69.562.038.493) |
| | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.22 | (59.024.263.310) | (60.328.667.862) |
| | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 2.000.000.000 | 1.259.150.260 |
| | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (15.553.311.379) | (21.232.705.467) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 179.830.376.684 | 78.534.879.642 |
| II. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.11, V.12, V.13, VII | (221.422.678.451) | (121.397.054.282) |
| 2. | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 13.383.013.868 |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (1.171.500.000.000) | (37.127.931.302) |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 425.201.033.500 | 74.484.730.350 |
| 5. | Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. | Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5, VI.3 | 34.028.686.951 | 19.584.085.491 |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (933.692.958.000) | (51.073.155.875) |

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(Theo phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

| III. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
|------|---|-----------|------------|--------------------------|------------------------|
| 1. | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. | Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | (5.487.904.737) |
| 3. | Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | V.19 | 3.856.862.724.588 | 2.362.514.113.407 |
| 4. | Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.19, V.28 | (3.294.445.021.100) | (2.110.674.323.676) |
| 5. | Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.30 | (102.437.720.500) | (68.915.736.000) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 459.979.982.988 | 177.436.148.994 |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (293.882.598.328) | 204.897.872.761 |
| | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 329.424.956.877 | 126.419.394.330 |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | (1.892.310.214) |
| | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 35.542.358.549 | 329.424.956.877 |

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. Đặc điểm hoạt động của tập đoàn

- 1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất - chế biến.
- 3. Ngành nghề kinh doanh :** Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Xay xát và sản xuất bột thô; bán buôn gạo.
- 4. Tổng số các công ty con :** **04**
 Trong đó:
 Số lượng các công ty con được hợp nhất : 04

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|--|---|---------------|------------------------|
| Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 | Quốc lộ 30, Cụm công nghiệp Thanh Bình, huyện Thanh Bình, Tỉnh Đồng Tháp | 69,8% | 69,8% |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) | No. 2, Mahogany Drive, Irvine, California 92620, Hoa Kỳ. | 100,00% | 100,00% |
| Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2 | Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. | 99,37% | 99,37% |
| Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 3 | Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. | 90% | 90% |

6. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm:

Lợi nhuận Tập đoàn năm nay giảm đáng kể so với năm trước chủ yếu là do tốc độ gia tăng của giá bán thấp hơn giá trị tăng của chi phí sản xuất.

Trong năm, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành thêm 360.000 cổ phiếu ESOP cho nhân viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 09 tháng 5 năm 2012.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

II. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vinh Hoàn đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Tập đoàn đang áp dụng.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được. Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - » 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - » 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - » 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - » 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| Loại tài sản cố định | Số năm |
|---------------------------------|---------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 06 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 |

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất các Công ty trong Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

15. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

| | | |
|---|--------------------|-----------------------|
| Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: | 31/12/2011: | 20.828 VND/USD |
| | 31/12/2012: | 20.813 VND/USD |

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

22. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|-----------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 2.685.551.236 | 2.262.458.395 |
| Tiền gửi ngân hàng | 32.856.807.313 | 304.562.498.482 |
| Tiền đang chuyển | - | 6.100.000.000 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 16.500.000.000 |
| Cộng | 35.542.358.549 | 329.424.956.877 |

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn trị giá 600 tỷ VNĐ đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

3. Phải thu khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn | 200.083.421.316 | 199.968.042.605 |
| Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 | 28.776.077.519 | 13.167.335.726 |
| Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 | 423.545.000 | - |
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) | 135.769.647.404 | 272.172.389.152 |
| Cộng | 365.052.691.239 | 485.307.767.483 |

4. Trả trước người bán

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (*) | 62.162.293.766 | 60.475.846.820 |
| Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 | 2.402.529.262 | 2.257.799.138 |
| Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 | 302.000.000 | - |
| Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 | 210.823.830 | 11.809.278.546 |
| Cộng | 65.077.646.858 | 74.542.924.504 |

(*) Trong đó, khoản tiền thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vùng nuôi Phú Bình đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng và vùng nuôi Vĩnh Hòa với số tiền lần lượt là 37.399.525.000 VNĐ và 15.664.600.000 VNĐ.

5. Các khoản phải thu khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------|---------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu | 17.208.333.333 | - |
| Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền ủy thác xuất khẩu | 3.351.641.760 | 4.823.682.529 |
| Các khoản phải thu khác | 1.422.846.715 | 1.497.706.023 |

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

| | | |
|------|----------------|---------------|
| Cộng | 21.982.821.808 | 6.321.388.552 |
|------|----------------|---------------|

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|---------------|---------------|
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm | 475.628.208 | - |
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 3.626.843.408 | 2.553.989.345 |
| Cộng | 4.102.471.616 | 2.553.989.345 |

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

| | |
|----------------------------|---------------|
| Số đầu năm | 2.553.989.345 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 1.548.482.271 |
| Số cuối năm | 4.102.471.616 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Hàng mua đang đi đường | 46.753.340.900 | 19.450.224.909 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 145.132.019.750 | 126.938.625.860 |
| Công cụ, dụng cụ | 3.363.914.103 | 3.107.842.478 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 374.549.913.324 | 321.343.498.323 |
| Thành phẩm | 468.127.880.252 | 353.505.848.292 |
| Hàng hóa | 251.944.107 | 63.204.912 |
| Hàng gửi đi bán | 7.434.019.712 | 44.343.127.443 |
| Cộng | 1.045.613.032.148 | 868.752.372.217 |

Một số hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 191.654.438.140 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | |
|----------------------------|----------------|
| Số đầu năm | 45.495.942.958 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 17.916.891.674 |
| Số cuối năm | 63.412.834.632 |

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------|---------------|---------------|
| Công cụ, dụng cụ | 1.007.907.670 | 1.025.330.134 |
| Chi phí bảo hiểm | 1.238.724.264 | - |
| Chi phí sửa chữa | - | 186.269.125 |
| Cộng | 2.246.631.934 | 1.211.599.259 |

10. Tài sản ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------|----------------|
| Tạm ứng (*) | 33.773.425.015 | 25.174.915.795 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 3.238.279.600 | 2.142.419.600 |
| Cộng | 37.011.704.615 | 27.317.335.395 |

(*) Trong đó, khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất tại các vùng nuôi với tổng số tiền là 30.069.597.000 VND. Hiện tại, các vùng nuôi này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 279.636.145.479 | 462.232.282.958 | 20.483.720.671 | 2.541.820.362 | 764.893.969.470 |
| Mua sắm mới | 30.039.067.291 | 12.053.841.531 | 6.458.628.630 | 680.741.387 | 49.232.278.839 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 36.752.198.803 | 22.189.512.470 | - | - | 58.941.711.273 |
| Kết chuyển từ chi phí trả trước dài hạn sang | 24.394.002.129 | - | - | - | 24.394.002.129 |
| Số cuối năm | 370.821.413.702 | 496.475.636.959 | 26.942.349.301 | 3.222.561.749 | 897.461.961.711 |
| Trong đó | | | | | |
| Khấu hao hết nhưng còn sử dụng | 3.658.842.940 | 52.651.391.746 | 1.833.058.745 | 826.384.543 | 58.969.677.974 |

| Giá trị hao mòn | | | | | |
|--|----------------|-----------------|----------------|---------------|-----------------|
| Số đầu năm | 55.628.837.243 | 210.628.514.737 | 8.748.851.359 | 1.610.480.752 | 276.616.684.091 |
| Khấu hao trong năm | 23.801.316.762 | 61.742.537.888 | 3.630.917.410 | 597.158.414 | 89.771.930.474 |
| Kết chuyển từ chi phí trả trước dài hạn sang | 5.903.481.224 | - | - | - | 5.903.481.224 |
| Số cuối năm | 85.333.635.229 | 272.371.052.625 | 12.379.768.769 | 2.207.639.166 | 372.292.095.789 |

| Giá trị còn lại | | | | | |
|------------------------|-----------------|-----------------|----------------|---------------|-----------------|
| Số đầu năm | 224.007.308.236 | 251.603.768.221 | 11.734.869.312 | 931.339.610 | 488.277.285.379 |
| Số cuối năm | 285.487.778.473 | 224.104.584.334 | 14.562.580.532 | 1.014.922.583 | 525.169.865.922 |
| Trong đó | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 307.325.401.913 VND và 142.776.015.332 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|-------------------|-------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 64.168.072.801 | 749.295.800 | 64.917.368.601 |
| Mua trong năm | 13.625.491.700 | - | 13.625.491.700 |
| Đầu tư xây dựng hoàn thành | 2.760.409.065 | 135.000.000 | 2.895.409.065 |
| Số cuối năm | 80.553.973.566 | 884.295.800 | 81.438.269.366 |
| Trong đó | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 468.773.790 | 468.773.790 |

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

| Giá trị hao mòn | | | |
|--------------------|---------------|-------------|---------------|
| Số đầu năm | 1.376.371.729 | 596.779.422 | 1.973.151.151 |
| Khấu hao trong năm | 381.861.408 | 77.884.102 | 459.745.510 |
| Số cuối năm | 1.758.233.137 | 674.663.524 | 2.432.896.661 |

| Giá trị còn lại | | | |
|-----------------|----------------|-------------|----------------|
| Số đầu năm | 62.791.701.072 | 152.516.378 | 62.944.217.450 |
| Số cuối năm | 78.795.740.429 | 209.632.276 | 79.005.372.705 |

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 14.067.767.850 VND và 13.141.006.299 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Số cuối năm |
|---|-----------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Mua sắm TSCĐ | 177.929.688 | 75.366.110.732 | (22.283.456.334) | 53.260.584.086 |
| XDCB dở dang | 14.399.642.202 | 79.348.047.544 | (39.553.664.004) | 54.194.025.742 |
| Chi phí cho các ao nuôi cá | 5.211.443.396 | 21.957.956.576 | (12.876.574.063) | 14.292.825.909 |
| Công trình xây dựng nhà xưởng (Vinh Hoàn 2) | 6.839.513.839 | 50.041.924.215 | (21.850.178.799) | 35.031.259.255 |
| Xây dựng cơ bản dở dang khác | 2.348.684.967 | 7.348.166.753 | (4.826.911.142) | 4.869.940.578 |
| Cộng | 14.577.571.890 | 154.714.158.276 | (61.837.120.338) | 107.454.609.828 |

14. Đầu tư vào công ty con

| Tên công ty | Hoạt động chính | Vốn điều lệ | Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết | |
|---|---|---------------------|-----------------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 ⁽¹⁾ | Sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản | 100.000.000.000 VND | 69,8% | 69,8% |
| Công ty cổ phần Vinh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽²⁾ | Kinh doanh mặt hàng thủy sản | 499.912,00 USD | 100% | 100% |
| Công ty TNHH lương thực Vinh Hoàn 2 ⁽³⁾ | Kinh doanh các mặt hàng lương thực | 50.000.000.000 VND | 99,37% | 99,37% |
| Công ty TNHH lương thực Vinh Hoàn 3 ⁽⁴⁾ | Kinh doanh các mặt hàng lương thực | 80.000.000.000 VND | 100% | 100% |

⁽¹⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 1400604953 ngày 21 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vinh Hoàn vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 là 69.950.040.000 VND, tương đương 69,95% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vinh Hoàn đã đầu tư 69.453.749.913 VND, tương đương 69,80% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

⁽²⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty cổ phần Vinh Hoàn đầu tư vào Công ty cổ phần Vinh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499.912.00.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 03 ngày 01 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 79.300.000.000 VND, tương đương 99,13% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư đủ số vốn đăng ký góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

^(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã đầu tư 302.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.698.000.000 VND.

Trong năm 2012 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã thành lập các Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012) và Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011). Việc góp vốn vào các Công ty trên sẽ được thực hiện trong thời gian tới.

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng, lãi suất 1,3%/tháng.

16. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Phân bổ vào chi phí trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ và chi phí khác | 43.086.751.330 | 17.689.760.972 | (9.967.997.149) | (18.490.520.905) | 32.317.994.248 |
| Tiền thuê đất | 11.924.184.630 | 497.327.020 | (2.504.912.517) | - | 9.916.599.133 |
| Cộng | 55.010.935.960 | 18.187.087.992 | (12.472.909.666) | (18.490.520.905) | 42.234.593.381 |

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau

| | |
|---------------------|---------------|
| Số đầu năm | 5.908.168.386 |
| Phát sinh trong năm | 29.031.137 |
| Số cuối năm | 5.937.199.523 |

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

19. Vay và nợ ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|--------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.254.928.310.721 | 627.278.126.990 |
| Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp | - | 177.370.000.000 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱ⁾ | 41.656.000.000 | 16.500.000.000 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾ | 1.055.450.122.563 | 413.791.466.382 |
| Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 129.825.647.941 | |
| Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ^(iv) | 27.996.540.217 | 19.616.660.608 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | 6.300.000.000 |
| Cộng | 1.254.928.310.721 | 633.578.126.990 |

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà máy thủy sản Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn – phân xưởng 1 và 2).

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Natixis - Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và cam kết của Bà Trương Thị Lệ Khanh sẽ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và quyền quản lý chi phối tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn, cam kết của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn sẽ nắm giữ quyền sở hữu tối đa và quyền kiểm soát Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1.

^(iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên vật liệu trong kho của Công ty với cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 trị giá 40 tỷ đồng và bảo lãnh của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn trị giá 40 tỷ đồng.

| Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn: | |
|--|---------------------|
| Số đầu năm | 633.578.126.990 |
| Số tiền vay phát sinh | 3.856.862.724.588 |
| Giảm do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm | (9.831.757) |
| Số tiền vay đã trả | (3.235.502.709.100) |
| Số cuối năm | 1.254.928.310.721 |

20. Phải trả người bán

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn | 71.172.964.175 | 102.462.910.783 |
| Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 | 46.580.235.141 | 25.533.766.826 |
| Tại Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 | 4.960.689.085 | - |
| Tại Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) | 3.146.287 | 1.541.276.374 |
| Cộng | 122.717.034.688 | 129.537.953.983 |

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

21. Người mua trả tiền trước

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Tại Công ty cổ phần Vinh Hoàn | 8.172.039.188 | 6.157.619.827 |
| Tại Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vinh Hoàn 1 | 66.355.450 | 692.666.025 |
| Cộng | 8.238.394.638 | 6.850.285.852 |

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | 6.477.196.332 | (6.477.196.332) | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | 433.708 | 22.336.716.113 | (22.294.973.120) | 42.176.701 |
| Thuế xuất, nhập khẩu (i) | (608.007.853) | 2.479.866.497 | (2.172.568.986) | (300.710.342) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (ii) | 31.673.157.273 | 36.922.015.839 | (54.743.058.746) | 13.852.114.366 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.833.417.197 | 2.617.835.168 | (3.189.984.161) | 1.261.268.204 |
| Thuế nhà đất | - | 1.271.119.042 | (1.271.119.042) | - |
| Các loại thuế khác (i) | - | 9.000.000 | (60.600.000) | (51.600.000) |
| Cộng | 32.899.000.325 | 72.113.748.991 | (90.209.500.387) | 14.803.248.929 |

(i) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

(ii) Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm bao gồm:

| | |
|--|-------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm | (59.024.263.310) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp của những năm trước được hoàn lại | 4.281.204.564 |
| Cộng | (54.743.058.746) |

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

| | |
|---|-----|
| Thủy sản xuất khẩu | 0% |
| Thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến, bột cá, thức ăn viên, lúa mì, bã nành, gạo | 05% |
| Thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000012 ngày 14 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (năm 2007), được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (năm 2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

- Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000117 ngày 27 tháng 8 năm 2012 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sấy, bóc vỏ lúa, sản xuất gạo đỏ và lau bóng gạo xuất khẩu với thuế suất thuế 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Thu nhập từ các hoạt động khác của các Công ty trong Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

- Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp của nước Mỹ.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

24. Chi phí phải trả

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 1.813.526.626 | 870.286.462 |
| Tiền thuê đất phải trả | 2.659.206.667 | - |
| Chi phí phải trả cho luật sư | 5.165.344.000 | - |
| Chi phí vận chuyển | 8.507.772.192 | 13.436.945.692 |
| Chi phí khác | 4.701.799.126 | 1.917.739.498 |
| Cộng | 22.847.648.611 | 16.224.971.652 |

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn | 6.172.989.756 | 1.106.300.846 |
| Cổ tức phải trả | 28.260.000 | 58.448.500 |
| Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 1.983.775.356 | 2.134.179.135 |
| Phải trả Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 103.191.208.579 | 108.101.129.232 |
| Phải trả Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - thu hộ tiền hàng | - | 712.250.000 |
| Các khoản phải trả khác | 1.638.292.170 | 1.931.038.195 |
| Cộng | 113.014.525.861 | 116.642.164.422 |

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ liên quan đến POR9. Chi tiết phát sinh như sau:

| | |
|---------------------------|----------------|
| Số đầu năm | 34.000.000.000 |
| Tăng do trích lập bổ sung | 9.100.000.000 |
| Số cuối năm | 43.100.000.000 |

Hiện tại, Bộ Thương mại Mỹ chưa có phán quyết của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 09 (POR 9 từ ngày 01/8/2011 đến ngày 31/7/2012) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Do đó, Tập đoàn chưa xem xét một cách đầy đủ đến nghĩa vụ thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến sản phẩm xuất bán vào thị trường Mỹ trong giai đoạn trên khi lập Báo cáo tài chính năm nay.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | |
|---------------------|------------------|
| Số đầu năm | 30.183.829.566 |
| Trích quỹ trong năm | 32.604.006.538 |
| Tăng khác | 352.322.000 |
| Chi quỹ trong năm | (11.261.487.379) |
| Số cuối năm | 51.878.670.725 |

28. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay dài hạn Ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

Chi tiết phát sinh như sau:

| | |
|--------------------|------------------|
| Số đầu năm | 58.942.312.000 |
| Số tiền vay đã trả | (58.942.312.000) |
| Số cuối năm | - |

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

| | |
|------------------------|-----------------|
| Số đầu năm | 2.815.775.748 |
| Số chi trong năm | (123.970.000) |
| Số hoàn nhập trong năm | (2.691.805.748) |
| Số cuối năm | - |

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

30. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 44.

Cổ tức

| Cổ tức đã chi trả trong năm như sau: | |
|---------------------------------------|-----------------------|
| Trả cổ tức năm trước (10% mệnh giá) | 45.967.711.500 |
| Tạm ứng cổ tức năm nay (10% mệnh giá) | 45.952.523.000 |
| Cộng | 91.920.234.500 |

Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 47.511.273 | 47.151.273 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 47.511.273 | 47.151.273 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 47.511.273 | 47.151.273 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 1.198.750 | 1.198.750 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 1.198.750 | 1.198.750 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 46.312.523 | 45.952.523 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 46.312.523 | 45.952.523 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) từ USD sang VND.

31. Lợi ích của cổ đông thiểu số

| | |
|---|-----------------------|
| Số đầu năm | 63.773.223.402 |
| Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm | 500.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | 22.293.277.148 |
| Trừ lợi nhuận đã chia | (10.517.486.000) |
| Cộng | 76.049.014.550 |

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tổng doanh thu | 4.236.484.487.918 | 4.114.059.871.210 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 203.089.247.769 | 150.647.105.711 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 3.432.923.738.910 | 3.200.551.732.280 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 38.243.990.289 | 46.696.566.522 |
| Doanh thu bán nguyên vật liệu | 81.751.521.063 | 261.885.273.833 |
| Doanh thu phế phẩm | 480.475.989.887 | 454.279.192.864 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | (8.552.492.043) | (10.082.120.795) |
| Giảm giá hàng bán | (4.777.634.528) | (194.985.077) |
| Hàng bán bị trả lại | (3.774.857.515) | (9.887.135.718) |
| Doanh thu thuần | 4.227.931.995.875 | 4.103.977.750.415 |
| Trong đó: | | |
| Doanh thu thuần bán hàng hóa | 203.084.901.242 | 149.647.737.606 |
| Doanh thu thuần bán thành phẩm | 3.424.418.489.110 | 3.191.468.979.590 |
| Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | 38.243.990.289 | 46.696.566.522 |
| Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu | 81.751.521.063 | 261.885.273.833 |
| Doanh thu thuần phế phẩm | 480.433.094.171 | 454.279.192.864 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa | 160.437.060.708 | 88.907.863.261 |
| Giá vốn của thành phẩm | 3.014.947.227.214 | 2.668.180.140.999 |
| Giá vốn của nguyên vật liệu | 70.448.812.246 | 250.471.612.615 |
| Giá vốn của phế phẩm | 416.568.017.125 | 341.876.146.422 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 17.916.891.674 | 30.408.097.226 |
| Cộng | 3.680.318.008.967 | 3.379.843.860.523 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 40.822.351.097 | 9.775.777.911 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 734.889.968 | 734.496.609 |
| Lãi cho vay | 1.481.121.734 | 1.295.663.299 |
| Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu | 5.343.753.008 | 2.711.747.271 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 3.589.794.445 | 6.445.765.183 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 9.831.757 | 149.216.049 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 34.223.305.913 | 79.593.973.950 |
| Cộng | 86.205.047.922 | 100.706.640.272 |

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay | 60.030.070.480 | 70.432.324.955 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 13.943 | 5.652.663.747 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 6.941.308.716 | 36.277.918.627 |
| Cộng | 66.971.393.139 | 112.362.907.329 |

5. Chi phí bán hàng

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên | 6.755.965.507 | 4.631.178.736 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 448.974.084 | 491.208.550 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 179.644.020 | 95.922.422 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 180.091.516.484 | 99.915.731.779 |
| Chi phí khác | 31.837.224.410 | 71.537.724.468 |
| Cộng | 219.313.324.505 | 176.671.765.955 |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên | 34.738.102.649 | 24.433.865.276 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 1.397.341.580 | 1.177.747.316 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 7.333.732.095 | 5.487.760.721 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.875.702.789 | 1.275.951.197 |
| Chi phí dự phòng | - | (1.865.509.133) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.252.368.375 | 7.490.565.599 |
| Chi phí khác | 29.706.300.858 | 17.802.828.422 |
| Cộng | 85.303.548.346 | 55.803.209.398 |

7. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | - | 13.383.013.868 |
| Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc | 2.691.805.748 | |
| Các khoản nợ không phải trả | 5.891.101.418 | |
| Thu nhập khác | 1.643.097.575 | 2.307.607.612 |
| Cộng | 10.226.004.741 | 15.690.621.480 |

8. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|-----------------------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán | - | 11.463.523.114 |
| Chi phí khác | 2.820.486.975 | 4.135.483.292 |
| Cộng | 2.820.486.975 | 15.599.006.406 |

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.915.760.265.140 | 2.679.817.377.557 |
| Chi phí nhân công | 329.151.461.844 | 245.171.303.310 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 90.231.675.984 | 79.652.432.785 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 494.688.226.221 | 420.409.826.305 |
| Chi phí khác | 127.029.026.579 | 152.757.184.205 |
| Cộng | 3.956.860.655.768 | 3.577.808.124.162 |

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ | 210.450.024.756 | 394.342.950.535 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 210.450.024.756 | 394.342.950.535 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*) | 46.312.523 | 47.368.246 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 4.544 | 8.325 |

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 45.952.523 | 47.151.273 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm từ lợi nhuận chưa phân phối | 360.000 | 360.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại | - | (143.027) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 46.312.523 | 47.368.246 |

Năm 2012 Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn đã phát hành thêm 360.000 cổ phiếu ESOP cho nhân viên từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 8.389 VND xuống còn 8.325 VND.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các Công ty trong Tập đoàn có công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|----------------|----------------|
| Mua tài sản cố định chưa thanh toán | 6.357.087.687 | 5.556.016.428 |
| Ứng trước mua tài sản cố định | 62.556.487.002 | 57.904.666.107 |

VIII. Những thông tin khác

1. Các khoản cam kết

Cam kết bảo lãnh

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cam kết với Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh sẽ nắm giữ quyền sở hữu tối đa và quyền kiểm soát Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 khi Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 có dư nợ vay tại Ngân hàng này.

Ngoài ra, Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn cũng bảo đảm trả nợ cho khoản vay của Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 (bên được bảo lãnh) tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam). Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 40 tỷ VND.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 21 tháng 3 năm 2013, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã ra phán quyết cuối cùng của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá lần 08 (POR 8 từ ngày 01 tháng 8 năm 2010 đến ngày 31 tháng 7 năm 2011) đối với các doanh nghiệp cá tra, cá basa Việt Nam. Theo đó, cá tra và cá basa của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn sẽ phải chịu mức thuế chống bán phá giá 0,19 USD/kg khi xuất khẩu vào thị trường Mỹ.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|----------------|
| Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | | |
| Mua nguyên vật liệu | 19.125.410.600 | 27.282.976.720 |
| Bán hàng hóa | - | 134.500.518 |
| Các cá nhân có liên quan | | |
| Mua nguyên vật liệu | 37.042.774.600 | 23.998.026.080 |
| Bán hàng hóa | - | 395.769.521 |

Ngoài ra, Bà Trương Thị Lệ Khanh cam kết với Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh sẽ nắm giữ tỷ lệ sở hữu và quyền quản lý chi phối đối với Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (xem thuyết minh số V.19).

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | 18.361.247.350 | 19.663.800.251 |
| Các cá nhân có liên quan | - | 1.478.594.520 |
| Cộng nợ phải thu | 18.361.247.350 | 21.142.394.771 |
| Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | 348.033.320 | - |
| Các cá nhân có liên quan | 5.019.916.900 | - |
| Cộng nợ phải trả | 5.367.950.220 | - |

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 6.445.976.539 VND (năm trước là 5.494.797.974 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|--|
| Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức | Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn |
| Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa các Công ty trong Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------|-----------------|
| Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức | | |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | 16.145.142.148 | 24.076.706.994 |
| Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ | 156.079.430 | 813.283.780 |
| Bán thành phẩm | 6.684.201.000 | 5.505.499.385 |
| Cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu | 825.398.070 | 4.000.292.627 |
| Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu | 11.235.097.037 | 17.880.756.127 |
| Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu ⁽¹⁾ | 18.453.566.762 | 62.564.304.481 |
| Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | | |
| Mua nguyên vật liệu, hàng hóa | 79.673.059.877 | 53.211.608.968 |
| Bán thành phẩm | 286.463.111.300 | 273.935.407.400 |
| Bán nguyên vật liệu, hàng hóa | 12.614.035.390 | 6.740.279.632 |
| Cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu | 37.286.814.418 | 42.088.374.769 |
| Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu ⁽¹⁾ | 581.608.970.607 | 579.235.689.198 |
| Cho vay | - | 31.057.500.000 |
| Lãi cho vay | - | 409.528.560 |
| Thu hộ tiền hàng | 56.700.000 | 712.250.000 |

⁽¹⁾ Giá trị hàng nhận xuất khẩu ủy thác cho các Công ty có liên quan.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức | | |
| Phải thu tiền hàng, tiền hàng ủy thác xuất khẩu | 3.351.641.760 | 4.823.682.529 |
| Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | | |
| Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu | 1.748.081.409 | 163.276.785 |
| Cộng nợ phải thu | 5.099.723.169 | 4.986.959.314 |
| Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức | | |
| Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 1.983.775.356 | 2.134.179.135 |
| Phải trả tiền hàng | 1.594.842.653 | 2.692.462.513 |
| Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | | |
| Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 103.191.208.579 | 108.101.129.232 |
| Ứng trước tiền hàng | - | 691.236.000 |
| Phải trả tiền thu hộ | - | 712.250.000 |
| Cộng nợ phải trả | 106.769.826.588 | 114.331.256.880 |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của các Công ty trong Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------|--------------------------|--------------------------|
| Xuất khẩu | 3.344.556.221.986 | 3.002.328.336.781 |
| Trong nước | 883.375.773.889 | 1.101.661.596.535 |
| Cộng | 4.227.931.995.875 | 4.103.989.933.316 |

Các Công ty trong Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay chỉ nằm trong lĩnh vực kinh doanh là nuôi trồng, sản xuất, chế biến thủy hải sản và thức ăn thủy sản.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

5. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------|-----------------------|----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 3.011.248.260 | 317.574.030 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 6.574.085.807 | 942.380.088 |
| Trên 05 năm | 13.006.931.967 | 1.454.819.357 |
| Cộng | 22.592.266.034 | 2.714.773.475 |

6. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban điều hành thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/ hoặc bị giảm giá | Cộng |
|--|--------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 35.542.358.549 | | | | 35.542.358.549 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 738.217.050.780 | | | | 738.217.050.780 |
| Phải thu khách hàng | 358.767.566.408 | | | 6.285.124.831 | 365.052.691.239 |
| Các khoản cho vay | 9.200.574.651 | | | | 9.200.574.651 |
| Các khoản phải thu khác | 48.166.018.072 | | | | 48.166.018.072 |
| Cộng | 1.189.893.568.460 | - | - | 6.285.124.831 | 1.196.178.693.291 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 329.424.956.877 | | | | 329.424.956.877 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 219.548.828 | | | | 219.548.828 |
| Phải thu khách hàng | 482.753.778.138 | | | 2.553.989.345 | 485.307.767.483 |
| Các khoản cho vay | - | | | | - |
| Các khoản phải thu khác | 56.215.808.601 | | | | 56.215.808.601 |
| Cộng | 868.614.092.444 | - | - | 2.553.989.345 | 871.168.081.789 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Các công ty trong Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm | Cộng |
|-------------------------|--------------------------|------------------------|-------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 1.256.741.837.347 | - | - | 1.256.741.837.347 |
| Phải trả người bán | 122.717.034.688 | - | - | 122.717.034.688 |
| Các khoản phải trả khác | 127.875.658.090 | - | - | 127.875.658.090 |
| Cộng | 1.507.334.530.125 | - | - | 1.507.334.530.125 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 633.578.126.990 | 58.942.312.000 | - | 692.520.438.990 |
| Phải trả người bán | 129.537.953.983 | - | - | 129.537.953.983 |
| Các khoản phải trả khác | 205.390.144.420 | 2.815.775.748 | - | 208.205.920.168 |
| Cộng | 968.506.225.393 | 61.758.087.748 | - | 1.030.264.313.141 |

Tập đoàn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn bán hàng chủ yếu là xuất khẩu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|--|------------------------|---------------|--------------------|----------------------|---------------|----------|
| | USD | EUR | GBP | USD | EUR | GBP |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.091.851,44 | 284,70 | - | 14.109.585,32 | 307,06 | - |
| Phải thu khách hàng | 15.378.852,14 | - | - | 21.420.053,74 | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 1.316.657,71 | - | - | 1.319.509,38 | - | - |
| Vay và nợ | (48.822.297,07) | - | - | (4.897.821,65) | - | - |
| Phải trả người bán | (160.568,32) | - | - | (361.557,02) | - | - |
| Các khoản phải trả khác | (5.629.931,26) | - | (86.753,63) | (5.972.340,35) | - | - |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | (36.825.435,36) | 284,70 | (86.753,63) | 25.617.429,42 | 307,06 | - |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 15.340.003.354 VND (năm trước giảm/tăng 10.671.196.399 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính. Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND với EUR và GBP đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tài sản/nợ thuần có giá trị nhỏ.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------|-------------------|-----------------|-------------------|----------------|
| | VND | USD | VND | USD |
| Vay và nợ | (238.057.507.346) | (48.822.297,07) | (531.566.297.664) | (4.897.821,65) |
| Nợ phải trả thuần | (238.057.507.346) | (48.822.297,07) | (531.566.297.664) | (4.897.821,65) |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 10.168.708.034 VND (năm trước giảm/tăng 1.020.118.293 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản vay VND đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ vay thuần bằng VND có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tập đoàn thế chấp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh. Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 600 tỷ VND. Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 (tiếp theo)

7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|---|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 35.542.358.549 | - | 329.424.956.877 | - | 35.542.358.549 | 329.424.956.877 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 738.217.050.780 | - | 219.548.828 | - | 738.217.050.780 | 219.548.828 |
| Phải thu khách hàng | 365.052.691.239 | (4.102.471.616) | 485.307.767.483 | (2.553.989.345) | 360.950.219.623 | 482.753.778.138 |
| Các khoản cho vay | 9.200.574.651 | - | | - | 9.200.574.651 | - |
| Các khoản phải thu khác | 48.166.018.072 | - | 56.215.808.601 | - | 48.166.018.072 | 56.215.808.601 |
| Cộng | 1.196.178.693.291 | (4.102.471.616) | 871.168.081.789 | (2.553.989.345) | 1.192.076.221.675 | 868.614.092.444 |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Vay và nợ | 1.254.928.310.721 | 692.520.438.990 | 1.254.928.310.721 | 692.520.438.990 |
| Phải trả người bán | 122.717.034.688 | 129.537.953.983 | 122.717.034.688 | 129.537.953.983 |
| Các khoản phải trả khác | 129.689.184.716 | 208.205.920.168 | 129.689.184.716 | 208.205.920.168 |
| Cộng | 1.507.334.530.125 | 1.030.264.313.141 | 1.507.334.530.125 | 1.030.264.313.141 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Đơn vị tính: VND |
|---|---------------------------|------------------------|-------------------------|----------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 471,512,730,000 | 191,808,000,000 | (32,725,310,618) | 1,799,344,642 | 136,774,604 | 303,469,424,380 | 936,000,963,008 |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | - | (1,316,000,000) | - | - | - | - | (1,316,000,000) |
| Mua lại cổ phiếu đã phát hành | - | - | (4,171,904,737) | - | - | - | (4,171,904,737) |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | - | 394,342,950,535 | 394,342,950,535 |
| Trích quỹ trong năm trước | - | - | - | - | - | (20,224,516,927) | (20,224,516,927) |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước | - | - | - | - | - | 5,283,115,639 | 5,283,115,639 |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | (68,928,784,500) | (68,928,784,500) |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh chuyển đổi báo cáo | - | - | - | 2,191,879,734 | - | - | 2,191,879,734 |
| Giảm khác | - | - | - | - | (136,774,604) | - | (136,774,604) |
| Số dư cuối năm trước | 471,512,730,000 | 190,492,000,000 | (36,897,215,355) | 3,991,224,376 | - | 613,942,189,127 | 1,243,040,928,148 |
| Số dư đầu năm nay | 471,512,730,000 | 190,492,000,000 | (36,897,215,355) | 3,991,224,376 | - | 613,942,189,127 | 1,243,040,928,148 |
| Phát hành cổ phiếu | 3,600,000,000 | - | - | - | - | (3,600,000,000) | - |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | - | 210,450,024,756 | 210,450,024,756 |
| Tặng khác | - | - | - | - | - | 15,000,000 | 15,000,000 |
| Trích quỹ trong năm | - | - | - | - | - | (32,604,006,538) | (32,604,006,538) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | (91,905,046,000) | (91,905,046,000) |
| Số dư cuối năm nay | 475,112,730,000 | 190,492,000,000 | (36,897,215,355) | 3,991,224,376 | - | 696,298,161,346 | 1,328,996,900,367 |

Đồng Tháp, ngày 25 tháng 3 năm 2013



(Signature)

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Thông tin cổ đông và quản trị công ty

Danh sách Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát:

Danh sách Hội Đồng Quản Trị:

| | |
|---------------------------|-----------------|
| ● Bà Trương Thị Lệ Khanh | Chủ tịch |
| ● Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm | Thành viên HĐQT |
| ● Ông Huỳnh Đức Trung | Thành viên HĐQT |
| ● Ông Jean Eric Jacquemin | Thành viên HĐQT |
| ● Ông Võ Phú Đức | Thành viên HĐQT |

(Ông Võ Phú Đức thay thế Ông Lê Thanh Hùng miễn nhiệm khỏi vị trí thành viên Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày 09/05/2012 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 ngày 09/05/2012)

Hội Đồng Quản Trị có hai thành viên độc lập, không trực tiếp điều hành hoạt động của Công ty.

Danh sách Ban Kiểm Soát:

| | |
|-----------------------|------------|
| ● Bà Trương Tuyết Hoa | Trưởng ban |
| ● Ông Nguyễn Văn Nghệ | Thành viên |
| ● Bà Hồ Thanh Huệ | Thành viên |

(Bà Trương Tuyết Hoa thay thế Ông Nguyễn Minh Đức miễn nhiệm khỏi vị trí thành viên BKS kể từ ngày 09/05/2012 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 ngày 09/05/2012).

Thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát năm 2012:

Mức thù lao của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn được thực hiện nhằm khích lệ các thành viên. Mức thù lao này dựa trên vị trí chủ chốt, mức độ cống hiến phục vụ cho công ty và được thông qua Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Ngoài ra Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát không nhận các khoản lợi ích khác của Vĩnh Hoàn.

Trong nhiệm kỳ năm 2012, theo Nghị quyết do Đại Hội đồng Cổ đông thông qua, tổng thù lao cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát và thư ký Hội Đồng Quản Trị là 120.000.000 đồng/tháng cho 13 tháng, tổng cộng 1.560 triệu đồng. Chi tiết thu nhập thực nhận trong năm 2012 như sau:

Đơn vị tính: đồng

| Họ tên | Chức vụ | Thu nhập |
|---------------------|------------------------------------|----------------------|
| Trương Thị Lệ Khanh | Chủ tịch HĐQT | 325.000.000 |
| Huỳnh Đức Trung | Thành Viên HĐQT | 182.000.000 |
| Nguyễn Ngô Vi Tâm | Thành Viên HĐQT | 260.000.000 |
| Võ Phú Đức | Thành Viên HĐQT (Từ Tháng 5/2012) | 126.000.000 |
| Jean-Eric Jacquemin | Thành Viên HĐQT | 143.000.000 |
| Lê Thanh Hùng | Thành Viên HĐQT (Đến Tháng 4/2012) | 44.000.000 |
| Nguyễn Minh Đức | Ban Kiểm Soát (Đến Tháng 4/2012) | 20.000.000 |
| Nguyễn Văn Nghệ | Ban Kiểm Soát | 104.000.000 |
| Trương Tuyết Hoa | Ban Kiểm Soát - Kiểm Thư Ký HĐQT | 174.000.000 |
| Hồ Thanh Huệ | Ban Kiểm Soát | 117.000.000 |
| Phạm Thị Thanh Tú | Công Bố Thông Tin | 65.000.000 |
| TỔNG | | 1.560.000.000 |

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kế toán trưởng và những người có liên quan:

(Theo dữ liệu thống kê ngày 18 tháng 12 năm 2012)

| Họ và tên | Chức vụ | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ cổ phần sở hữu |
|---------------------|------------------------------|-------------------|----------------------|
| Trương Thị Lệ Khanh | Chủ tịch HĐQT kiêm TGD | 23.371.868 | 49,57% |
| Huỳnh Đức Trung | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD | 25.779 | 0,05% |
| Nguyễn Ngô Vi Tâm | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD | 26.026 | 0,06% |
| Trương Tuyết Phương | Phó TGD | 25.870 | 0,05% |
| Đặng Văn Viễn | Phó TGD | 21.398 | 0,05% |
| Nguyễn Thị Kim Đào | Kế toán trưởng | 18.694 | 0,04% |
| Trương Tuyết Hoa | Trưởng BKS | 12.545 | 0,03% |
| Nguyễn Văn Nghệ | Thành viên BKS | 5.200 | 0,01% |
| Hồ Thanh Huệ | Thành viên BKS | 9.399 | 0,02% |

Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị họp chính thức định kỳ hàng quý và thường xuyên trao đổi họp mặt không chính thức qua điện thoại để cập nhật nhanh tình hình hoạt động của Công ty.

Trong năm 2012, hoạt động cụ thể của Hội Đồng Quản Trị trong việc giám sát và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Ban Giám đốc như sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011, Báo cáo thường niên năm 2011, Bán niên 6 tháng đầu năm 2012 và bán niên 6 tháng cuối năm 2012.
- Dự báo tình hình kinh doanh năm 2013.
- Thông qua các tờ trình và chương trình Đại hội cổ đông năm 2012.
- Thông qua các chương trình vay vốn năm 2012.
- Thông qua tình hình hoạt động của các công ty con
- Thông qua chương trình phát hành cổ phiếu ESOP cho CBCNV đợt 2 giai đoạn 2011 – 2012.
- Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 và đợt 1 năm 2012 bằng tiền mặt.
- Thông qua phương án điều chỉnh chỉ tiêu lợi nhuận năm 2012.
- Thông qua việc trích lập dự phòng phải trả năm 2012
- Thống nhất công việc, phân công công việc và chương trình làm việc của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm Soát.

Trong năm 2012, Hội Đồng Quản Trị có các nghị quyết sau:

- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 8 tháng 02 năm 2012 về việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Vĩnh Hoàn Green Farm.
- Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2012 ngày 09 tháng 05 năm 2012
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 28 tháng 02 năm 2012 về việc chuyển cổ phiếu ESOP của CBCNV từ hạn chế chuyển nhượng sang tự do chuyển nhượng.
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 29 tháng 02 năm 2012 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi địa điểm thành lập của Công ty TNHH MTV Vĩnh Hoàn 4.
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 30 tháng 05 năm 2012 về việc thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt đợt 2 năm 2011.
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 20 tháng 06 năm 2012 về việc thông qua dự án đầu tư hệ thống sấy, bóc vỏ lúa, kho tạm trữ, hệ thống sấy, sản xuất gạo đỏ và lau bóng gạo xuất khẩu tại Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2.
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 21 tháng 11 năm 2012 về việc thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu theo chương trình phúc lợi thưởng bằng cổ phiếu cho người lao động (ESOP) đợt 2.
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 26 tháng 11 năm 2012 về việc thông qua việc chi trả cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền.
- Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn ngày 27 tháng 11 năm 2012 về việc thông qua phương án điều chỉnh chỉ tiêu lợi nhuận năm 2012.
- Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2012 ngày 25 tháng 12 năm 2012 về việc thông qua điều chỉnh kế hoạch năm 2012

Hoạt động của Ban Kiểm Soát

- Ban Kiểm Soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và của Ban Giám đốc, kiểm tra, giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc liên quan đến việc thực hiện các chiến lược, kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của Công ty.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính định kỳ về tính tuân thủ chuẩn mực, minh bạch và tính hợp lý của các số liệu tài chính bao gồm phần báo cáo của Công ty mẹ và phần hợp nhất.
- Giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư,
- Tổ chức kiểm tra thực tế tại nhà máy và của các Công ty con.
- Kiểm soát chi phí sản xuất.
- Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông cũng như việc chấp hành luật pháp và điều lệ Công ty của Hội Đồng Quản Trị và Ban điều hành.

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Với phương châm xây dựng hình ảnh doanh nghiệp uy tín, minh bạch và là cầu nối với nhà đầu tư, trong năm 2012 Công ty tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động quan hệ nhà đầu tư thông qua các nội dung sau:

- Luôn chú trọng đến việc cung cấp thông tin đúng, đủ và cập nhật nhất, giúp nhà đầu tư hiểu sâu hơn về hoạt động của Công ty từ đó đưa ra quyết định đầu tư kịp thời.
- Xây dựng quy trình cụ thể thực hiện công tác quan hệ nhà đầu tư.
- Xây dựng gói thông tin doanh nghiệp phục vụ việc trình bày, trao đổi thông tin khi tiếp xúc với nhà đầu tư, các chuyên gia phân tích.
- Tiếp tục thực hiện bản tin tổng hợp hàng tháng cung cấp cho cộng đồng nhà đầu tư thông tin giao dịch cổ phiếu VHC và thông tin cập nhật về Vĩnh Hoàn.
- Tiếp xúc và đối thoại trực tiếp với các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, các tổ chức tài chính trung gian, các đơn vị truyền thông sự kiện.

Dữ liệu thống kê cổ đông

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 18 tháng 12 năm 2012)

| Stt | Tên | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ vốn góp (%) |
|-----|---------------------|--|------------------|-------------------|
| 1 | Trương Thị Lệ Khanh | 384 Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, Tp.hcm | 23.371.868 | 49,57 |
| 2 | Red River Holding | 9A Tu Xuong Street, Ward 7, Dist.3, Ho Chi Minh City, S.r Of Vietnam | 7.171.321 | 15,21 |
| 3 | Quỹ Đầu Tư Việt Nam | Cty Ld Qly Dtu Bidv-Vn Partners Tầng 10, Tháp Bidv, Số 35 Hàng Vôi, Quận Hoàng Kiếm, Hà Nội. | 3.903.062 | 8,28 |

Cơ cấu cổ đông

| Stt | Đối tượng | Số lượng cổ đông | Số lượng cp sở hữu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|----------|---------------------------|------------------|--------------------|------------------|
| 1 | Cổ đông là tổ chức | 40 | 18.183.554 | 38,56 |
| | - Trong nước | 17 | 6.075.859 | 12,89 |
| | - Nước ngoài | 23 | 12.107.695 | 25,67 |
| 2 | Cổ đông là cá nhân | 366 | 28.967.719 | 61,44 |
| | - Trong nước | 341 | 28.823.600 | 61,13 |
| | - Nước ngoài | 25 | 144.119 | 0,31 |
| | Tổng | 406 | 47.151.273 | 100,00 |





CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

TRỤ SỞ CHÍNH

Quốc lộ 30, Phường 11, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: (84.67) 3891166 - (84.67) 3891663 - (84.67) 3891664
Fax: (84.67) 3891062
Email: vh@vinhhoan.com.vn
Website: www.vinhhoan.com.vn

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lầu 8-9, 569- 571- 573 Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.67) 3891166 - (84.67) 3891663 - (84.67) 3891664
Fax: (84.67) 3891062

Email: vh@vinhhoan.com.vn
Website: www.vinhhoan.com.vn